LỜI CẢM ƠN!

Trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại khoa Văn Hoá Du Lịch trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô đã truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm quý báu giúp cho em có hành trang cơ bản, cho em tự tin hơn để bước vào đời.

Trong suốt thời gian làm đề tài "Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng", em đã được sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sĩ: Phạm Thị Khánh Ngọc. Em xin chân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự giúp đỡ quý báu của cô!

Em xin gửi lời cám ơn sâu sắc đến: Cán bộ thư viện thành phố Hải Phòng, cán bộ thư viện trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, Sở Văn Hoá Thể Thao & Du Lịch Hải Phòng đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ em để em hoàn thành bài khoá luận này!

Do hiểu biết thực tế và thời gian có hạn nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót, khiếm khuyết, em rất mong nhận được sự góp ý và bổ sung của quý thầy cô, các nhà nghiên cứu và những người quan tâm đến đề tài.

Em xin chân thành cảm ơn!

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống văn hoá - xã hội. Du lịch không chỉ đem lại lợi ích kinh tế mà góp phần nâng cao đời sống tinh thần của con ng- ời, tạo ra sự giao l- u hữu nghị giữa các quốc gia thu hút đầu t- tạo công ăn việc làm cho ng- ời lao động.

Trong xu h- ớng mở cửa của nền kinh tế đất n- ớc và hội nhập quốc tế, nhu cầu của con ng- ời không chỉ dừng lại ở sự giao l- u hội nhập về kinh tế mà còn có sự tiếp xúc, tìm hiểu về văn hoá, con ng- ời và phong tục tập quán..giữa các quốc gia, đây chính là tiền đề cho du lich nhân văn phát triển. Từ lâu du lịch nhân văn đã trở thành loại hình du lịch hấp dẫn ở nhiều nơi trên thế giới. Du lịch nhân văn có sức lôi cuốn và hấp dẫn đặc biệt dối với khách quốc tế .

Hải Phòng là thành phố cảng biển có vị trí thuận lợi, là một cực trong tam giác động lực tăng tr- ởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là một trong m- ời trung tâm du lịch quan trọng của đất n- ớc. Hải Phòng có đầy đủ gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú đa dạng. Trong những năm qua, cùng với đà phát triển du lịch chung của cả n- ớc, Du lịch Hải Phòng có b- - ớc tăng tr- ởng khá: L- ợng khách du lịch không ngừng tăng cao, từ năm 2001 đến nay, tăng trên d- ới 15%/năm, doanh thu du lịch tăng bình quân 18%/năm, năng lực lưu trú của Du lịch Hải Phòng đạt 6.592 phòng, trong đó có 3.842 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế từ 1 - 4 sao, công suất sử dụng phòng bình quân đạt trên 50%/năm.

Điều đó đã thể hiện rất rõ sự phát triển vượt bậc của ngành du lịch Hải Phòng. Trong kết quả to lớn thu được của ngành du lịch Hải Phòng có sự đóng góp đáng kể của tài nguyên du lịch nhân văn. Tuy nhiên, trong những năm qua Hải Phòng mới chỉ chú trọng phát triển tài nguyên du lịch tự nhiên, du lịch biển mà chưa chú trọng phát triển tài nguyên du lịch nhân văn. Trong khi đó, tiềm năng để phát triển loại hình du lịch nhân văn ở Hải Phòng là rất lớn.

Hải Phòng là thành phố có truyền thống lịch sử văn hoá lâu đời với di chỉ Cái Bèo (Cát Bà) được tìm thấy có tuổi cách đây khoảng 6000-7000 năm. Mật

độ các di tích dày đặc có 542 di tích các loại, trong đó có 96 di tích cấp quốc gia và trên 100 di tích được xếp hạng cấp thành phố, chủ yếu là đình, đền, chùa, miếu mạo, nhà thờ, các công trình kiến trúc....điều này tạo cho thành phố một nguồn tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, hấp dẫn. Tuy nhiên việc khai thác tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố cần có những định hướng và giải pháp cụ thể. Hiện nay, khai thác tài nguyên du lịch nhân văn trong các chương trình du lịch không chỉ góp phần vào việc phát triển bền vững, mà còn tạo ra tính hấp dẫn, kéo dài ngày lưu trú bình quân của khách du lịch đến Hải Phòng, tạo thêm nguồn thu nhập, nâng cao hiệu quả của hoạt động du lịch .

Với mong muốn góp một phần nhỏ bé của mình trong việc khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn cho sự nghiệp phát triển nên em đã chọn đề tài **"Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng".**

Mục đích đề tài.

Mong muốn của du khách khi thực hiện chuyến du lịch không đơn thuần chỉ để ngắm nhìn những danh lam thắng cảnh mà đó còn là nhu cầu hiểu biết về những giá trị nhân văn, di tích cổ, nghe những câu chuyện huyền thoại về đất nước con người thông qua những di tích lịch sử, phong tục tập quán, lễ hội,... đòi hỏi những người làm công tác du lịch phải đưa ra được những sản phẩm du lịch đặc thù mang đậm đà bản sắc văn hóa để thu hút hơn khách du lịch.

Mục đích của đề tài là b- ớc đầu tìm hiểu nghiên cứu và đánh giá thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng hiện nay đối với hoạt động du lịch, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm khai thác có bền vững các giá trị tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Tài nguyên nhân văn là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển du lịch. Tài nguyên nhân văn có ưu thế nổi trội trong quá trình cạnh tranh quốc tế, trong hoạt động du lịch của ngành du lịch Việt Nam nói chung du lịch Hải Phòng nói riêng hiện nay. Vì vậy, việc nghiên cứu nguồn tài nguyên nhân văn để khai thác và sử dụng một cách hợp lý, phục vụ mục đích phát triển du lịch bền vững đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Đối t- ợng nghiên cứu của đề tài là nguồn tài nguyên nhân văn có giá trị văn hoá nh- các di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề, các loại hình nghệ thuật truyền thống..có thể khai thác và phát triển du lịch ở Hải Phòng.

Trong phạm vi hạn hẹp của khóa luận tốt nghiệp này, em chỉ xin đ- a ra những vấn đề mang tính cơ bản nhất, nh- một ý kiến tham khảo cho công việc xây dựng và phát triển các tài nguyên du lịch nhân văn tiểu biểu có khả năng đưa vào khai thác phục vụ hoạt động du lịch trong phạm vi thành phố Hải Phòng.

Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp thu thập và sử lý tài liệu.

Phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Phương pháp điền dã.

Phương pháp phân tích, tổng hợp.

Bố cục khóa luận: Ngoài phần mở, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương1: Lý luận chung về du lịch, tài nguyên du lịch.

Chương 2: Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng.

Chương 3: Phương hướng và một số giải pháp khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng.

CHƯƠNG 1:

VAI TRÒ CỦA TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH.

1.1. Du lịch và tài nguyên du lịch.

1.1.1. Du lịch.

Du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Ngày nay thuật ngữ "du lịch" đã trở nên rất thông dụng. Tuy nhiên cho đến nay do hoàn cảnh thời gian, khu vực khác nhau nên khái niệm du lịch cũng khác nhau.

Tại *hội nghị LHQ về du lịch họp tại Roma _ Italia* (21/8 – 5/9/1963), các chuyên gia đưa ra định nghiã về du lịch: "Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú cuả cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên cuả họ hay ngoài nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc cuả họ".

Theo các chuyên gia du lịch Trung Quốc thì: "hoạt động du lịch là tổng hoà hàng loạt quan hệ và hiện tượng lấy sự tồn tại và phát triển kinh tế, xã hội nhất định làm cơ sở, lấy chủ thể du lịch, khách thể du lịch và trung gian du lịch làm điều kiện".

Theo I.I pirôgionic, 1985 thì: "Du lịch là một dạng hoạt động cuả dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hoá hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hoá".

Theo Luật Du lịch Việt Nam (có hiệu lực từ 01/01/2006): "Du lịch là các hoạt động có liên quan tới chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định".

1.1.2. *Tài nguyên du lịch.*

Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng, thông tin và các yếu tố khác có trên trái đất, trong không gian vũ trụ liên quan mà con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình.

Tài nguyên du lịch là một dạng đặc sắc của tài nguyên nói chung. Tài nguyên du lịch bao gồm các yếu tố liên quan đến các điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử, kinh tế - văn hoá - xã hội vốn có trong tự nhiên hoặc do con ng- ời tạo dựng nên. Các yếu tố này luôn luôn tồn tại và gắn liền với môi tr- ờng tự nhiên và môi tr- ờng xã hội đặc thù của mỗi địa ph- ơng mỗi quốc gia đó. Khi các yếu tố này đ- ợc thực hiện, đ- ợc khai thác và sử dụng cho mục đích du lịch thì chúng trở thành tài nguyên du lịch .

Khái niệm tài nguyên du lịch luôn gắn liền với khái niệm du lịch: *"Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch; là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch*"- *Luật Du lịch Việt Nam (2006).*

Như vậy, tài nguyên du lịch được xem như tiền đề để phát triển du lịch. Thực tế cho thấy, tài nguyên du lịch càng phong phú, càng đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả hoạt động du lịch càng cao bấy nhiêu.

Tài nguyên du lịch được phân loại thành tài nguyên du lịch thiên nhiên gắn liền với các nhân tố tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn gắn liền với các nhân tố con người và xã hội.

1.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.

Tài nguyên tự nhiên là các đối t- ợng và các hiện t- ợng trong môi tr- ờng tự nhiên bao quanh chúng ta. Ở một địa ph- ơng nào đó tự nhiên tác động đến cảnh quan.

Tài nguyên du lịch của Việt Nam khá phong phú và đa dạng. Ba phần t- lãnh thổ đất n- ớc là đồi núi với nhiều cảnh quan ngoạn mục, những cánh rừng

nhiệt đới với nhiều loài sinh vật đặc sắc, trên 3.000km bờ biển và những hệ thống sông hồ tạo nên các bức tranh thủy mặc sinh...Tất cả có sức hấp dẫn mạnh mẽ không chỉ với con người Việt Nam mà còn với người nước ngoài.

Tài nguyên du lịch tự nhiên là tổng thể tự nhiên các thành phần của nó có thể góp phần khôi phục và phát triển thể lực, trí tuệ con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ và được lôi cuốn vào phục vụ cho nhu cầu cũng như sản xuất dịch vụ du lịch.

Theo luật du lịch Việt Nam(2006) định nghĩa tài nguyên du lịch tự nhiên nh- sau: "Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa hình, địa chất, địa mạo, khí hậu, thuỷ văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể đ- ợc sử dụng phục vụ mục đích du lịch".

Trong chuyến du lịch, người ta thường tìm đến những nơi có phong cảnh đẹp. Phong cảnh theo một nghĩa nào đó được hiểu là một khái niệm tổng hợp liên quan đến tài nguyên du lịch. Các thành phần của tự nhiên với tư cách là tài nguyên du lịch có tác động mạnh nhất đến hoạt động du lịch là: địa hình, nguồn nước và động thực vật.

Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên.

***Địa hình:** Viêt Nam có 3/4 diện tích đất liền là đồi núi nh- ng chủ yếu là đồi núi thấp. Độ cao địa hình d- ới 1000m chiếm 85% so với mực n- ớc biển**.** Núi độ cao trên 2000m chiếm 1%.

Các dãy núi có h- ớng chính là Tây Bắc - Đông Nam và h- ớng vòng cung, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.Ở vùng Tây Bắc tập chung một số đỉnh núi cao nh- Phan Xi Phăng cao3.143m, Tây Côn Lĩnh cao 2.431m, Kiều Liêu Ti cao 2.403m, PuTa Ka cao 2.274m....

Địa hình Việt Nam phong phú thích hợp cho việc phát triên du lịch. Một số điểm du lịch có tài nguyên địa hình tiêu biểu ở Việt Nam bao gồm:

Các cao nguyên nh- : cao nguyên đá Đồng Văn, cao nguyên Bắc Hà, cao nguyên Tà Phình, cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Nà Sản, cao nguyên Sín Chải, cao nguyên Kon Tum, cao nguyên Măng Đen (Kon Plông), cao nguyên Kon Hà Nừng, cao nguyên Plâyku, cao nguyên M'Drăk, cao nguyên Đắk Lắk

,cao nguyên Mơ Nông, cao nguyên Lâm Viên, cao nguyên Di Linh thích hợp cho các loại hình du lịch nghỉ d- ỡng, tham quan, khám phá....đã hình thành các khu du lịch nổi tiếng nh- : Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì, Đà Lạt...

Các khu vực địa hình hang động nổi tiếng thế giới và đã đ- ợc công nhận là di sản thiên nhiên thế giới nh- vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng...

Các bãi biển phân bố trải đều từ Bắc vào Nam nh- : Trà Cổ, Bãi Cháy, Đồ Sơn, Đồng Châu, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cửa Hội, Xuân Thành, Thạch Hải, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cảnh Dương, Lăng Cô, Non N- ớc, Đại Lãnh, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né, Quy Nhơn, Vũng Tàu...

***Khí hậu:** Việt Nam là nước có khí hậu nhiệt đời gió mùa. Có nhiệt độ trung bình năm từ 22ºC đến 27ºC. Hàng năm, có khoảng 100 ngày mưa với lượng mưa trung bình từ 1.500 đến 2.000mm. Độ ẩm không khí trên dưới 80%. Số giờ nắng khoảng 1.500 - 2.000 giờ, nhiệt bức xạ trung bình năm 100kcal/cm².

Các khu vực có điều kiện khí hậu điển hình thích hợp phát triển hoạt động du lịch ở Việt Nam gồm có Sa Pa, Tam Đảo, Bà Nà, Đà Lạt ...

***Thuỷ văn**: Việt Nam có 2860 con sông có chiều dài từ 10km trở lên. Dọc theo bờ biển cứ 20km lại có một cửa sông. Khai thác thuỷ văn trong phát triển du lịch th- ờng bao gồm các sông, hồ với phong cảch đẹp hoặc các điểm có nguồn suối n- ớc khoáng, suối n- ớc nóng phục vụ hoạt động chữa bệnh nh- : Kim Bôi - Hoà Bình, Tiên Lãng - Hải Phòng, Kênh Gà - Ninh Bình, Bang - Quảng Bình...

Hệ thống các hồ thiên nhiên và nhân tạo phong phú nh- : Hồ Ba Bể, Hồ Núi Cốc, Hồ Thác Bà, Hồ Hòa Bình, Hồ Kẻ Gỗ, Hồ Trị An...gắn với các giai thoại truyền thuyết trữ tình và giá trị lao động sản xuất của con ng- ời.

***Tài nguyên về động - thực vật.**

Là yếu tố tài nguyên có ý nghĩa quan trọng về hệ du lịch sinh thái, du lịch kết hợp tham quan, tìm hiểu nghiên cứu khoa học ...

Việt Nam là một quốc gia có sự đa dạng sinh học, hệ thực vật có khoảng 14.000 loài thực vật bậc cao có mạch, đã xác định được khoảng 7.000 loài thực vật bậc cao, 800 loài rêu, 600 loài nấm, 600 loài rong biển. Trong đó có 1.200 loài thực vật đặc hữu, hơn 2.300 loài thực vật đã được sử dụng làm lương thực

thực phẩm, thuốc chữa bệnh, tinh dầu, vật liệu trong xây dựng. Tỷ lệ số loài thực vật dùng làm dược liệu ở nước ta lên tới 28%. Hệ thực vật nước ta có nhiều loài quý hiếm như gỗ đỏ, gụ mật, Hoàng Liên chân gà, ba kích, hoàng đàn, cẩm lai, pơ mu..

Về hệ động vật: Tính đến nay đã xác định được ở nước ta có 275 loài thú, 1.009 loài và phân loài chim, 349 loài bò sát và lưỡng cư, 527 loài cá nước ngọt, khoảng 2.038 loài cá biển, 12.000 loài côn trùng, 1.600 loài động vật giáp xác, 350 loài động vật da gai, 700 loài giun nhiều tơ, 2.500 loài động vật thân mềm, 350 loài sa nhô được biết ..

Đến tháng 8/2010, cả nước có 30 vườn quốc gia khoảng 10.350,74 km² (trong đó có 620,10 km² là mặt biển), chiếm khoảng 2,93% diện tích lãnh thổ đất liền gồm: Ba Bể, Bái Tử Long, Hoàng Liên, Tam Đảo, Xuân Sơn, Ba Vì, Cát Bà, Xuân Thủy, Cúc Phương, Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã, Núi Chúa, Bidoup Núi Bà, Phước Bình, Chư Mom Ray, Chư Yang Sin, Kon Ka Kinh, Yok Đôn, Lò Gò-Xa Mát, Cát Tiên, Tràm Chim, Mũi Cà Mau, U Minh Hạ, U Minh Thượng, Phú Quốc, Côn Đảo.

Ngoài ra, n- ớc ta có nhiều khu dự trữ sinh quyển thế giới nh- : Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ, Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên, Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà, Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng, Khu dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang, Khu dự trữ sinh quyển miền tây Nghệ An, Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau, Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm...

Việt Nam có điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, đa dạng, đặc sắc. Các tài nguyên du lịch tự nhiên có mức độ tập chung cao, có sự kết hợp, nhiều loại tài nguyên, tạo phong cảnh đẹp, có sức hấp dẫn du khách, có thể xây dựng, tổ chức phát triển các điểm du lịch, thuận tiện cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch đặc biệt nh- du lịch sinh thái, khám phá, mạo hiểm....

1.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn là các di tích lịch sử, văn hoá và các công trình đương đại thuận lợi cho việc hình thành và phát triển hoạt động du lịch. Tài

nguyên du lịch nhân văn cũng được hiểu là tài nguyên du lịch văn hoá, tuy nhiên không phải sản phẩm văn hoá nào cũng là tài nguyên du lịch nhân văn, chỉ những sản phẩm phục vụ du lịch mới được coi là tài nguyên du lịch nhân văn. Tài nguyên nhân văn chính là những giá trị văn hoá tiêu biểu cho mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mỗi vùng miền. Hoạt động du lịch khai thác tài nguyên du lịch nhân văn giúp cho khách du lịch hiểu được những đặc trưng cơ bản về văn hoá của dân tộc, địa phương nơi mình đến.

Nếu như tài nguyên du lịch thiên nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính đặc thù địa phương của nó. Các đối tượng văn hoá tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá phong phú. Tài nguyên du lịch nhân văn là tất cả những gì do xã hội cộng đồng tạo ra có sức hấp dẫn du khách được đưa vào phục vụ phát triển du lịch.

Luật du lịch Việt Nam (2006) định nghĩa tài nguyên du lịch nhân văn như sau“ *Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch*”.

***Các loại tài nguyên du lịch nhân văn.**

Là những sản phẩm văn hoá nên nguồn tài nguyên du lịch nhân văn cũng rất đa dạng, phong phú. Chúng có thể được phân thành những dạng chính sau:

- ***Các di tích lịch sử – văn hoá.***

Di tích lịch sử tích lịch sử – là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, đất nước và cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể về đặc điểm văn hoá mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử – văn hoá có khả năng rất lớn góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người; góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi

quốc gia.

Theo Luật du lịch Việt Nam "Di tích lịch sử – văn hoá là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như các giá trị văn hoá khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hoá – xã hội".

Theo các thang giá trị khác nhau, những di tích cũng được phân thành những cấp khác nhau: Các di tích cấp Quốc gia và địa phương, những di tích có giá trị đặc biệt được coi là di tích thế giới.

Các di sản văn hoá thế giới.

Di sản thế giới là di chỉ hay di tích của một quốc gia như rừng, dãy núi, hồ, sa mạc, tòa nhà, quần thể kiến trúc hay thành phố... do các nước có tham gia Công ước di sản thế giới đề cử cho Chương trình quốc tế Di sản thế giới, được công nhận và quản lý bởi UNESCO.

Tính đến tháng 11-2010, Việt Nam có đến 14 di sản được Unesco công nhận là Di sản thế giới: Di sản thiên nhiên (3)**,** Di sản văn hóa (11**):** Quần thể kiến trúc cố đô Huế (11-12-1993); Nhã nhạc cung đình Huế (7-11-2003); Thánh địa Mỹ Sơn (12-1999); Phố cổ Hội An (12-1999); Không gian văn hoá Cồng Chiêng Tây Nguyên (15-11-2005); Quan họ - Bắc Ninh (30-9-2009); Ca Trù (1-10-2009); Mộc bản triều Nguyễn (3-1-2010); Bia đá Văn Miếu - Quốc Tử Giám (9-3-2010); Khu Hoàng thành Thăng Long (1-8-2010); Hội Gióng (16-11-2010).

Nhìn chung, các di sản văn hoá thế giới là kết tinh cao nhất của những sáng tạo văn hoá một dân tộc. Bất cứ một quốc gia nào nếu có những di tích được công nhận là di sản văn hoá thế giới thì không những là một tôn vinh lớn cho dân tộc ấy, mà còn là nguồn tài nguyên quý giá, có sức hút khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế.

Các di tích lịch sử văn hoá thắng cảnh cấp Quốc gia và địa phương.

Nhóm di tích lịch sử văn hoá thắng cảnh cấp quốc gia và địa phương được chia thành các loại sau: các di tích khảo cổ học, các di tích lịch sử, các di tích văn hoá nghệ thuật và các danh lam thắng cảnh.

Các di tích khảo cổ học: là những địa điểm ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về một thời kỳ lịch sử – xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đại đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất (các bức chạm khắc trên vách đá).

Di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ, nó được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng, ngoài ra còn có cả những công trình kiến trúc cổ, những thành phố cổ, tàu thuyền cổ bị chìm đắm.

Trong lịch sử cổ đại, nhiều thành phố cổ bi san phẳng, bị vùi lấp do thiên tai, do địch hoạ, sau này đã được các nhà khảo cổ học phát hiện, nghiên cứu và tái tạo. Ở Việt Nam, phát hiện Thánh địa Cát Tiên ở Đồng Nai, đây là quần thể kiến trúc cổ hoành tráng, một thánh địa Bàlamôn giáo đặc trưng ở khu vực phía Nam của đất nước, mà theo đánh giá của các nhà khảo cổ học Nhật Bản, thì nó có giá trị sánh ngang với Ăngco Vát của Campuchia**.**

Các di tích lịch sử.

Là những di tích ghi nhận các sự kiện lịch sử hoặc các điểm lịch sử tiêu biểu của các dân tộc trong quá trình phát triển lịch sử của mình. Lịch sử của mỗi quốc gia là một quá trình lâu dài với nhiều sự kiện được ghi dấu lại. Do vậy chỉ những di tích nào gắn với các sự kiện tiêu biểu mới được coi là những di tích lịch sử.

Các di tích lịch sử nước ta bao gồm:

Di tích ghi dấu về dân tộc học: Sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người.

Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu, có ý nghĩa quyết dịnh chiều hướng của một đất nước, một địa phương (bến Bình Than - nơi diễn ra hội nghị Diên Hồng, cây đa Tân Trào, rừng Trần Hưng Đạo, bến cảng Nhà Rồng....).

Di tích ghi dấu những kỷ niệm (di tích về người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, tượng Bác Hồ trên đảo Cô Tô ...).

Di tích ghi dấu chiến công chống quân xâm lược (Bạch Đằng, Đống Đa, Điện Biên Phủ....).

Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động (công trình thuỷ nông Bắc Hưng Hải, nhà mày thuỷ điện Hoà Bình...).

Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến (chuồng cọp Côn Đảo, làng Sơn Mỹ, trạm giam Phú Lợi, nhà tù Sơn La...).

Ngoài ra, còn có những di tích ghi dấu lịch sử đấu tranh cách mạng, thường là những di tích gắn liền với cuộc đời và hoạt động của những lãnh tụ cách mạng, hoặc gắn với những sự kiện quan trọng trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc nh- : Thành cổ quảng Trị, ngã ba Đồng Lộc, nghĩa trang Tr- ờng Sơn, bến tàu Không Số, Bến Nghiêng...

***Các di tích văn hoá nghệ thuật*:** Là dạng đặc biệt của các di tích lịch sử văn hoá, bao gồm các công trình kiến trúc có giá trị hoặc các tác phẩm nghệ thuật khác như Tượng đài, các bích họa...Trên thế giới cũng như ở Việt Nam có rất nhiều di tích nghệ thuật nổi tiếng như Tháp Epphen, Khải hoàn môn, Văn miếu –Quốc tử giảm, Nhà thờ đá phát Diệm, toà thánh Tây Ninh ...

Thực ra rất khó phân biệt loại hình di tích lịch sử với các di tích văn hoá nghệ thuật bởi vì bản thân mỗi di tích văn hoá đều đã mang trong mình những giá trị lịch sử và cũng như vậy mỗi di tích lịch sử đều mang trong mình chất văn hoá. Chính vì vậy khi người ta gọi chung là loại hình di tích lịch sử - văn hoá - nghệ thuật.

Các danh lam thắng cảnh.

Trên thực tế, loại hình này là sự tập hợp của hai loại di tích: Di tích nhân tạo và di tích thiên tạo. Đây là những nơi có phong cảnh thiên nhiên tuyệt vời có chứa những công trình do con người tạo ra, thông thường là những ngôi chùa ngôi đền hay một công trình văn hoá nào đó. Phần lớn những danh lam thắng cảnh ở Việt Nam đều có thờ Phật. Điểm danh thắng nổi tiếng của Việt Nam ở Hương Sơn có chứa cả một hệ thống chùa. Các điểm khác như Tam Thanh (Lạng Sơn), Yên Tử, Hồ Tây ....đều tương tự như vậy.

•Các lễ hội.

Trong các dạng tài nguyên du lịch nhân văn, lễ hội truyền thống là tài nguyên có giá trị rất lớn. Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phán

ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Là một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả hoặc là một dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc chỉ đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi giải trí. Nhìn chung, các lễ hội nổi tiếng có tính hấp dẫn rất lớn đối với du khách. Lễ hội gồm 2 phần: phần lễ và phần hội.

Phần lễ (hay còn gọi là phần nghi lễ).

Các lễ hội dù lớn hay nhỏ đều có phần nghi lễ với nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo thời gian và không gian. Tuỳ theo tính chất của lễ hội mà nội dung của phần lễ sẽ mang ý nghĩa riêng.

Phần lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng dân tộc có ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội.

Nghi thức tế lễ nhằm tỏ lòng tôn kính với các bậc thánh hiền và thần linh, cầu mong được thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Nghi lễ tạo thành nền móng vững chắc, tạo một yếu tố văn hoá thiêng liêng, một giá trị thẩm mỹ đối với toàn thể cộng đồng người đi hội trước khi chuyển sang phần xem hội.

Phần hội.

Là phần có tổ chức những trò chơi, thi đấu, biểu diễn... mang bản sắc văn hoá dân gian. Mặc dù cũng hàm chứa những yếu tố văn hoá truyền thống, nhưng phạm vi nội dung của nó thường không khuôn cứng mà hết sức linh hoạt, luôn luôn được bổ sung bởi những yếu tố văn hoá mới. Tuy nhiên những nơi nào bảo tồn và phát triển được những nét truyền thống trong phần hội với những trò chơi mang tính dân gian thì lễ hội nơi đó có giá trị cao và có sức hấp dẫn du khách. Thông thường phần hội gắn với tình yêu, giao duyên nam nữ (hội Lim...).

Cũng có những lễ hội ở đó cả phần lễ và phần hội hoà quyện vào nhau, trong đó trọng tâm là phần hội, nhưng bản thân phần hội mang tính tâm linh của phần lễ (hội chọi trâu ở Đồ Sơn...). Hội làng của người Việt ở đồng bằng sông Hồng là loại lễ hội truyền thống rất tiêu biểu cho xã hội nông thôn Việt Nam. Có quan điểm cho rằng đồng bằng sông Hồng là quê hương của văn hoá lúa nước,

của hội làng.

Như vậy để tìm hiểu văn hoá Việt Nam, văn hoá làng xã cũng như văn hoá lúa nước, người ta có thể tìm hiểu qua lễ hội, hoặc trực tiếp tham gia vào lễ hội. Từ đó có thể thấy lễ hội là một dạng tài nguyên du lịch nhân văn độc đáo. Ở nước ta trong một năm có nhiều lễ hội, tập trung chủ yếu vào mùa xuân, ngoài ra còn có hội thu. Các lễ hội thường gắn với sinh hoạt văn hoá dân gian như hát đối đáp của dân tộc Mường; ném cò, múa xoè của người Thái; hát Sli, hát lượn, hát then của người Nùng; lễ đâm trâu, hát trường ca thần thoại của các dân tộc Tây Nguyên...

Về quy mô, có những lễ hội diễn ra trên một vùng rộng lớn, ngược lại có lễ hội chỉ bó hẹp trong vài (thậm chí một) làng (xã). Có lễ hội kéo dài tới 3 tháng (như lễ hội chùa Hương), nhưng có lễ hội chỉ một vài ba ngày. Một số lễ hội tiêu biểu thu hút đông đảo du khách và người hành hương từ nhiều vùng tới: hội Đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội chùa Hương (Hà Tây), hội Đền Bà (Tây Ninh)...Khách du lịch thường có nhu cầu tham gia các lễ hội này. Họ thường thấy một sự hoà đồng mãnh liệt, say mê nhập cuộc. Những hội hè như vậy gắn kết vào kết cấu của đời sống khu vực hay quốc gia và chính tại đây tình cảm cộng đồng, sự hiểu biết về dân tộc được bộc lộ mạnh mẽ.

• Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có những địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng đối với khách du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống, sinh hoạt, kiến trúc, trang phục, ca múa nhạc...

Việt Nam có 54 dân tộc. Nhiều dân tộc vẫn giữ được phong tục tập quán của mình. Nước ta còn có hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm nổi tiếng, độc đáo thể hiện tư duy triết học, tâm tư tình cảm của con người, đặc biệt là các nghề chạm khắc, nghề gốm, nghề mộc, đúc đồng, nghề

dệt, nghề mây tre đan, nghề thêu ..

Các món ăn dân tộc độc đáo với nghệ thuật cao về chế biến và nấu nướng. Nhiều kiến trúc có bố cục theo thuyết phong thuỷ của triết học phương Đông, những kiến trúc tôn giáo (nhất là kiến trúc Chăm)...có giá trị, hấp dẫn du khách.

•Các đối tượng văn hoá - thể thao và hoạt động nhận thức khác.

Những đối tượng văn hoá như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn, bảo tàng... đều có sức hấp dẫn rất lớn du khách tới tham quan và nghiên cứu.

Những hoạt động mang tính sự kiện: các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, liên hoan phim ảnh quốc tế, ca nhạc quốc tế... cũng là đối tượng hấp dẫn khách du lịch.

Thông thường những đối tượng văn hoá tập trung ở các thủ đô và các thành phố lớn. Vì vậy những thành phố lớn đương nhiên trở thành những trung tâm du lịch văn hoá của các quốc gia, vùng và khu vực và là hạt nhân của các trung tâm du lịch.

1.2. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn đối với việc phát triển du lịch.

Cho đến nay, hầu hết các nước trên thế giới đã coi du lịch như một ngành kinh tế không thể thiếu được trong đời sống xã hội; một phương tiện trao đổi văn hoá, tình cảm và một biện pháp để tăng cường tình đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc; ở các nước xã hội chủ nghĩa, du lịch còn được sử dụng như một phương tiện để tuyên truyền lối sống xã hội chủ nghĩa và công cụ phục vụ cho đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Cùng trong xu hướng của thế giới, Việt Nam có vị trí địa lý kinh tế và giao lưu quốc tế thuận lợi, lại có nhiều cảnh quan đẹp và các giá trị nhân văn phong phú đã sớm hoà nhập với trào lưu phát triển du lịch của khu vực và trên thế giới. Với tài nguyên tự nhiên và nhân văn phong phú đa dạng với bề dày lịch sử ngàn năm du lịch nhân văn đã trở thành ngành du lịch hấp dẫn đối với du khách trong nước và ngoài nước.

1.2.1. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội.

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, du lịch đã được ghi nhận như một sở

thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội .

Du lịch đã được coi là ngành "công nghiệp không khói". Vai trò của ngành du lịch được đánh giá rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Thành công của ngành du lịch ở nhiều quốc gia đã đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tầm quan trọng của ngành du lịch không chỉ đối với nền kinh tế, mà nó còn mang tính xã hội, thể hiện ở chỗ tạo thêm nhiều việc làm (hơn 234 triệu việc làm, chiếm tỷ lệ 1/11,5 công việc trên toàn cầu), thông qua nhiều ngành khác nhau như vận tải, lưu trú, bán lẻ, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tài chính. Nhiều khu vực khác cũng được hưởng lợi thông qua hỗ trợ các sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch, như xây dựng, in ấn và xuất bản, sản xuất, bảo hiểm.

Việt Nam có đủ các yếu tố để phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Du lịch là một ngành kinh doanh, dễ làm, đem lại lợi nhuận to lớn. Vì vậy xu hướng chuyển đổi hay chuyển hướng sang kinh doanh du lịch là một động cơ tốt để mọi người trau dồi, bổ sung các kiến thức cần thiết như ngoại ngữ, giao tiếp, văn hoá... Theo dự báo của Tổng cục du lịch Việt Nam, năm 2015 ngành du lịch Việt Nam sẽ thu hút 7-8 triệu lượt khách quốc tế, 32-35 triệu khách nội địa, con số tương ứng năm 2020 là 11-12 triệu khách quốc tế; 45-48 triệu khách nội địa. Doanh thu từ du lịch sẽ đạt 18-19 tỷ USD năm 2020.

Đối với xã hội du lịch có vai trò giữ gìn, phục hồi sức khoẻ và tăng cường sức sống cho người dân. Trong một chừng mực nào đó du lịch có tác dụng hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và khả năng lao động của con người. Khi đi du lịch mọi người có điều kiện tiếp xúc với nhau, gần gũi nhau hơn. Những đức tính tốt như hay giúp đỡ, chân thành...mới có dịp được thể hiện rõ nét. Du lịch là điều kiện để mọi người xích lại gần nhau hơn. Như vậy, qua du lịch mọi người hiểu nhau hơn, tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng.

Những chuyến du lịch, tham quan tại các di tích lịch sử, các công trình văn hoá có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Trong mỗi chuyến du lịch thường để lại cho du khách một số kinh nghiệm, tăng

thêm hiểu biết và vốn sống. Hiểu biết thêm về lịch sử, "khám phá" mới về địa lý có thêm kinh nghiệm trong cuộc sống, mở mang kiến thức văn hoá...là kết quả thu được sau mỗi chuyến đi.

Một trong những ý nghĩa của du lịch là góp phần cho việc khôi phục, bảo tồn và phát triển truyền thống văn hoá dân tộc. Nhu cầu về nâng cao nhận thức văn hoá trong chuyến đi của du khách thúc đẩy các nhà cung ứng chú ý yểm trợ cho việc khôi phục, duy trì các di tích, lễ hội, làng nghề...

Nhờ hoạt động du lịch cuộc sống của cộng đồng trở nên sôi động hơn, các nền văn hoá có điều kiện hoà nhập với nhau, làm cho đời sống văn hoá tinh thần của con người trở nên phong phú hơn .

Ngày nay, việc phát huy các thế mạnh về tiềm năng du lịch nhân văn để phát triển du lịch được Nhà nước quan tâm ngay Điều 1 (luật du lịch Việt Nam, 2006) chỉ rõ: "Nhà nước Việt Nam xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, quan trọng, mang nội dung văn hoá sâu sắc...". Việc phát triển du lịch nhân văn là cách để giáo dục lòng yêu nước, nhận thức trách nhiệm bảo vệ tài sản công của quốc gia, quảng bá về hình ảnh của đất nước ra thế giới.

Tài nguyên du lịch nhân văn có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống - kinh t ế–xã hội. Hàng năm khách du lịch đến với loại hình du lịch nhân văn ngày càng nhiều do nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, các công trình kiến trúc lịch sử, các lễ hội, làng nghề thủ công truyền thống ngày một tăng. Đóng góp vào ngân sách của nhà n- ớc và doanh thu từ du lịch chiếm tỉ lệ lớn.Vì vậy, du lịch nhân văn cần đ- ợc quan tâm đầu t- nhiều hơn nữa để trở thành ngành kinh tề mũi nhọn.

1.2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn đối với việc phát triển du lịch tại Hải Phòng.

Quá trình đấu tranh dựng n- ớc và giữ n- ớc của ng- ời Hải Phòng qua hàng ngàn năm đã hình thành nên các miền quê văn hiến, các di tích lịch sử - văn hoá, sinh hoạt hội hè và phong tục tập quán ...vừa mang nét chung của phong hoá Việt Nam, vừa thể hiện sắc thái riêng độc đáo, thi vị và tài hoa. Có thể nói , mỗi di tích, mỗi thắng tích, từng công trình đều l- u lại dấu ấn văn hoá bản địa giàu chất nhân văn của ng- ời Việt x- a nay trên đất Hải Phòng.

Di tích lịch sử - văn hoá và văn hoá phi vật thể ở Hải Phòng là một bộ phận hữu cơ của di sản văn hoá dân tộc. Đó là những nguồn sử liệu trực tiếp và thông điệp của tổ tiên để lại giúp thế hệ hôm nay và mai sau phục dựng các trang lịch sử hào hùng, bi tráng của dân tộc, của con ng- ời và mảnh đất Hải Phòng.

Tài nguyên du lịch nhân văn còn là yếu tố có tác dụng không nhỏ đến tính thời vụ, tính nhịp điệu trong du lịch. Đại bộ phận tài nguyên du lịch nhân văn không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên tần suất hoạt động của nó là rất lớn (lượng khách, số ngày khách đến). Ngoại trừ dạng tài nguyên như lễ hội có ngày hội chính thì thường thu hút khách hơn. Còn hầu hết các dạng tài nguyên du lịch nhân văn khác đều có thể khai thác quanh năm. Ví như tại nội thành Hải Phòng, vào các tháng trong năm vẫn có thể thấy nhiều đoàn khách trong nước và nước ngoài đến tham qua các điểm di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu như Đền Nghè, Chùa Dư Hàng, Quán Hoa, Nhà hát lớn thành phố...So với tài nguyên du lịch tự nhiên tài nguyên du lịch nhân văn có lợi thể phát triển quanh năm hơn, góp phần tạo ra sự ổn định cho hoạt động du lịch.

Du lịch nhân văn làm đã làm phong phú thêm bản sắc văn hoá trong các tuor du lịch tham quan của thành phố. Hiện nay, dựa vào đặc điểm phân bố tài nguyên du lịch, trên địa bàn thành phố hiện nay có các tuyến du lịch: Hải Phòng - Cát Bà, Hải Phòng - Đồ Sơn, Nội thành - Thuỷ Nguyên, tuyến Du khảo đồng quê, tuyến Đồ Sơn - Kiến Thuỵ - Tiên Lãng và tuyến Du lịch nội thành...giúp cho các ch- ơng trình du lịch của Hải Phòng phong phú, hấp dẫn du khách hơn.

Khai thác tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng phục vụ cho hoạt động du lịch đã và đang là đối t- ợng có sức thu hút rất lớn đối với du khách trong ch- ơng trình du lịch nhân văn**.** Việc khai thác, khôi phục và bảo tồn các giá trị của tài nguyên du lịch nhân văn không còn là trách nhiệm của riêng ai mà nó thuộc về tất cả các ban ngành, các cấp, ng- ời dân địa ph- ơng và những ng- ời làm công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TẠI HẢI PHÒNG.

2.1. Khát quát chung về Hải Phòng.

Hải Phòng là thành phố nằm ở hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình thuộc đồng bằng châu thổ Sông Hồng, cách Hà Nội 102 km về phía Đông Đông Bắc. Thành phố Hải Phòng có diện tích tự nhiên là 1.520,7km²(năm 2004), số dân 1.837.302 người (năm 2009). Hải Phòng là 1 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương và là đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia.

Hải Phòng có bãi biển Đồ Sơn. Quần đảo Cát Bà được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Hải Phòng được hình thành trên miền đất cổ, với nền tảng lịch sử văn hóa xã hội lâu đời. Trên đất Hải Phòng các nhà khảo cổ học đã phát hiện 4 di chỉ tiêu biểu xuyên suốt thời tiền sử, chứng minh sự có mặt liên tục của người Việt cổ. Trước hết là di chỉ Cái Bèo (huyện Cát Hải) thuộc văn hóa tiền Hạ Long, cách đây khoảng 6.475 năm. Di chỉ Tràng Kênh (thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên) thuộc văn hóa Phùng Nguyên, cách nay khoảng 3.405 năm. Di chỉ Việt Khê (Thủy Nguyên) và Núi Voi (An Lão) thuộc văn hóa Đông Sơn, cách nay khoảng 2.415 năm. Hải Phòng có trại An Biên, quê hương của nữ tướng Lê Chân từ thủa đầu dựng nước. Hiện nay Hải Phòng còn giữ được nhiều di tích lịch sử có giá trị .

Hải Phòng là thành phố bên bờ biển Đông, là cửa chính ra biển của các tỉnh phía bắc, đồng thời là một trong ba trung tâm du lịch lớn của miền Bắc là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Lợi thế đó đã tạo điều kiện cho Hải Phòng có điều kiện phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội trong đó có du lịch.

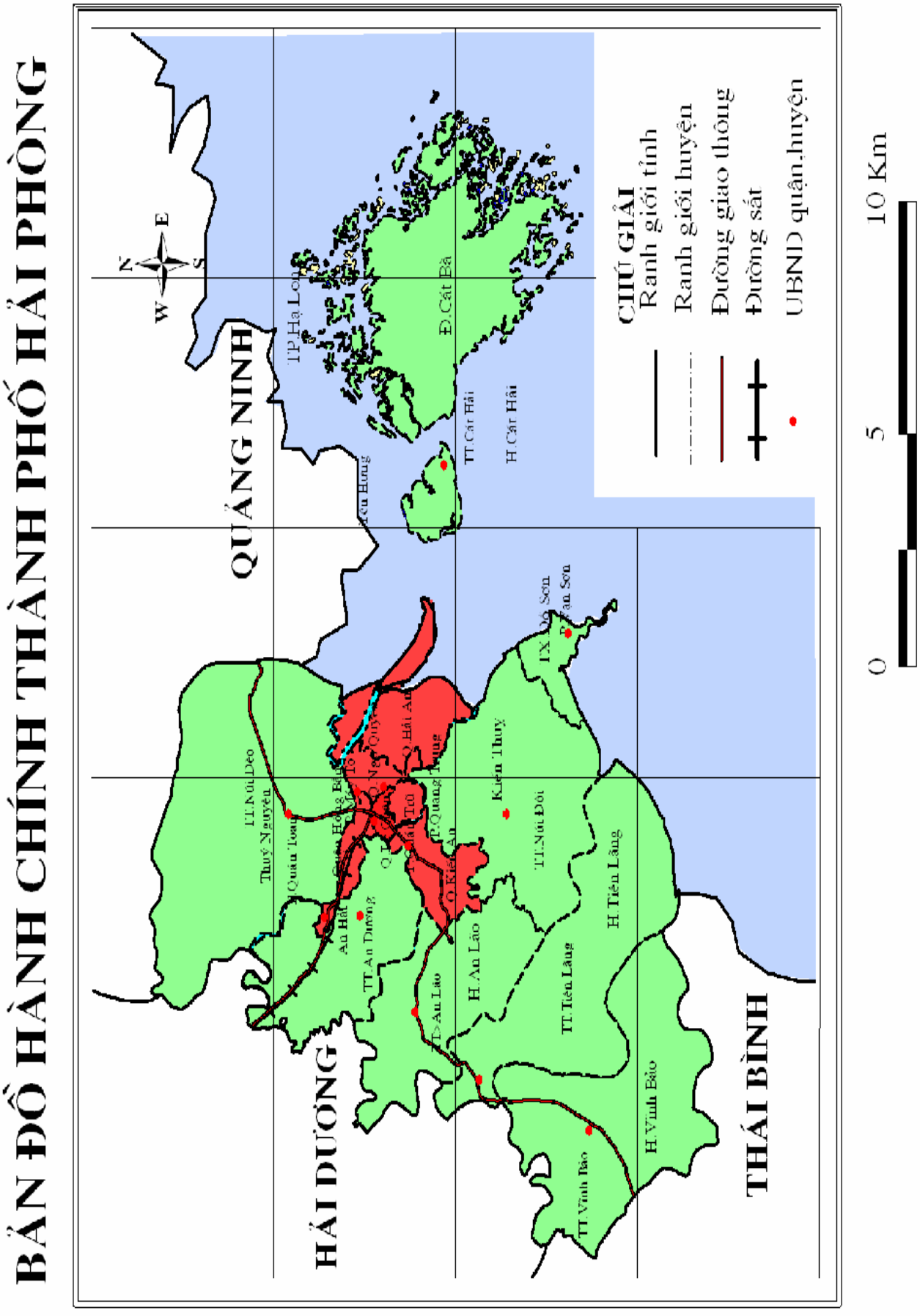
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
QUẢNG NINH
HẢI DƯƠNG
THÁI BÌNH
TP.Hạ Long
Đ.Cát Bà
TT.Cát Hải
H.Cát Hải
Yên Hưng
TT.Núi Đèo
Thuỷ Nguyên
Quán Toan
An Hải
TT.An Dương
TT.An Lão
H.An Lão
Kiến Thuỵ
TT.Núi Đối
H.Tiên Lãng
TT.Tiên Lãng
H.Vĩnh Bảo
TT.Vĩnh Bảo
Đồ Sơn
TX.Đồ Sơn
N
W
E
S
CHÚ GIẢI
Ranh giới tỉnh
Ranh giới huyện
Đường giao thông
Đường sắt
UBND quận,huyện
0
5
10 Km

2.1.1. Điều kiện tự nhiên.

Vị trí địa lý.

Thành phố Hải Phòng nằm về phía Đông Bắc đồng bằng Bắc Bộ, có toạ độ địa lý từ 20^0 30' đến $21^0$01' vĩ độ Bắc, 106^0 25' đến $107^0$10' kinh độ Đông.

Phía bắc và đông bắc Hải Phòng giáp với tỉnh Quảng Ninh.

Phía tây bắc giáp với tỉnh Hải D- ơng.

Phía tây nam giáp với tỉnh Thái Bình.

Phía đông của Hải Phòng là biển đông với đ- ờng bờ biển dài 125 km, nơi có 5 cửa sông lớn là Nam Triệu, cửa Cấm Lạch Tray, Văn Úc, Thái Bình.

Với vị trí địa lý nh- trên, Hải Phòng có điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, giao l- u với các vùng trong n- ớc, với các n- ớc trong khu vực và trên thế giới.

Địa hình: Địa hình Hải Phòng khá phức tạp có địa hình lục địa và hải đảo khác nhau. Sự đa dạng, phong phú của địa hình đã tạo nên sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch đến với Hải Phòng. Dựa vào các chỉ tiêu về độ cao, độ dốc và mật độ chia cắt có thể chia địa hình Hải Phòng thành các dạng sau:

- *Dạng địa hình đồi núi*: Nhìn chung địa hình Hải Phòng chủ yếu là đồi núi thấp.

+ Địa hình đồi bị chia cắt mạnh chiếm khoảng 5% diện tích tự nhiên của thành phố, tập chung chủ yếu ở phía bắc huyện Thuỷ Nguyên, quận Kiến An và thị xã Đồ Sơn. Hầu hết đồi núi độ cao của đỉnh tập trung trong khoảng 40-100m, có nơi có độ cao tới 100-150m, chạy theo h- ớng tây bắc - đông nam và hầu hết đ- ợc cấu tạo bằng đá cát kết và sét kết. Đây là kiểu địa hình tạo thuận lợi cho việc phát triển du lịch Hải Phòng.

+ Địa hình núi thấp cũng bị chia cắt rất mạnh, tập trung ở quần đảo Cát Bà, Long Châu và phía bắc huyện Thuỷ Nguyên. Hầu hết các đỉnh có độ cao từ 100 - 250m. Đặc điểm nổi bật nhất là đỉnh sắc nhọn, dạng răng c- a dốc đứng, lởm chởm tai mèo và có nhiều hang động tiêu biểu cho dạng địa hình karstơ nhiệt đới ở vùng Đông Bắc n- ớc ta.

- *Dạng địa hình đồng bằng*

Địa hình đồng bằng chiếm phần lớn diện tích thành phố, dải ra trên các huyện Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão, Kiến Thụy, Kiến An, An D- ơng, phía nam huyện Thuỷ Nguyên và nội thành Hải Phòng. Còn ở các đảo Phù Long, Cát Hải địa hình đồng bằng kém bằng phẳng. Trên bề mặt đồng bằng phổ biến là các đê bờ biển cổ cao 2,5 - 3,5m, giữa chúng là các lạch trũng, một số nay đã đ- ợc sử dụng làm đồng muối.

- *Dạng địa hình đặc biệt*:

+ Dạng địa hình karstơ: Ở Hải Phòng, địa hình này khá phổ biến ở đảo Cát Bà và vùng núi đá vôi phía bắc huyện Thuỷ Nguyên. Ở đây, quá trình karstơ hoá diễn ra rất mạnh. Các thung lũng karstơ, các hang động karstơ, các bề mặt đỉnh và s- ờn núi mấp mô tai mèo đã tạo nên địa hình karstơ nhiệt đới điển hình với thiên nhiên phong cảnh hùng vĩ cho Hải Phòng.

+ Kiểu địa hình ven bờ: Có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của du lịch Hải Phòng. Với đ- ờng bờ biển dài 125km, nếu tính cả chiều dài đ- ờng vòng quanh các đảo thì chiều dài tổng cộng lên tới 300km. Đáng chú ý là các bãi tắm Đồ Sơn, Cát Cò, Cát Dứa, Đ- ợng Danh, Tây Tắm, Cát Quyền. Phong cảnh núi non ở đây cũng rất hùng vĩ và mang nhiều nét hoang sơ tự nhiên. Các kiểu địa hình ven bờ này có thể tạo điều kiện cho việc tắm biển và có sức thu hút khách du lịch rất mạnh. Đây cũng là một thế mạnh tiềm năng của nền kinh tế địa phương.

Khí hậu.

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi tr- ờng tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Khí hậu Hải Phòng nói chung và các địa bàn du lịch nói riêng đều có nhiều thuận lợi cho hoạt động du lịch.

Khí hậu Hải Phòng mang tính chất nhiệt đới nóng ẩm và gió mùa. Do sự chi phối của hoàn l- u gió mùa Đông Nam Á, đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa hạ nóng ẩm, m- a nhiều, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9. Mùa đông lạnh, ít m- a, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Các tháng 4 và 10 là các tháng chuyển tiếp. Sự phân chia về mùa của khí hậu dẫn tới sự phân chia về mùa du lịch.

Khí hậu Hải Phòng th- ờng xuyên biến động, rõ nhất là sự biến động của yếu tố nhiệt độ trong mùa đông và yếu tố m- a trong mùa hạ nên có ảnh h- ởng đến các vùng trong thành phố theo 2 chiều có lợi và bất lợi.

- Bức xạ nhiệt: L- ợng bức xạ lý thuyết tại Hải Phòng đạt 220 – 230 kcal/cm² và thực tế là 105 kcal/cm².

- Nhiệt độ không khí: Tính chất nhiệt đới đã thể hiện khá rõ, nhiệt độ trung bình năm của Hải Phòng là trên $23,9^0$ C và có sự thay đổi theo mùa.

- Chế độ m- a ẩm: Cùng với các tháng hè, Hải Phòng có l- ợng m- a t- ơng đối lớn. Tổng l- ợng m- a hàng năm tại Hải Phòng đạt 1600- 1800 mm. Mùa m- a bắt đầu từ tháng năm, kết thúc vào tháng 10 với tổng l- ợng m- a chiếm khoảng 80 – 90 % l- ợng m- a cả năm. M- a chủ yếu tập trung vào tháng 7,8,9. Và cao nhất là tháng 8 gây ra cản trở cho hoạt động du lịch ngoài trời.

Độ ẩm t- ơng đối ở Hải Phòng khá cao, trung bình 70- 90%, là kiện tốt cho sinh vật phát triển và đồng thời cũng là điều kiện phục vụ cho việc phát triển các hoạt động du lịch.

Nh- vậy, xét về góc độ đặc điểm khí hậu ảnh h- ởng đến sức khoẻ con ng- ời con ng- ời cũng nh- các điều kiện thời tiết bất lợi thì nhìn chung hoạt động du lịch ở Hải Phòng kém thuận lợi vào các tháng 10 và 12 từ tháng 3 đến tháng 5. Nh- ng bù lại ở Hải Phòng có biển là điều hoà khí hậu, gió biển th- ờng thổi sâu vào vào đất liền 20-30 km, cho nên Hải Phòng ít có hiện t- ợng lạnh quá hoặc khô nóng quá nh- các tỉnh đồng bằng và trung du khác.

Sông ngòi.

Sông ngòi ở Hải Phòng khá nhiều, trung bình từ 0,6 - 0,8 km trên 1 km². Độ dốc khá nhỏ, chảy chủ yếu theo hướng Tây Bắc- Đông Nam. Các sông của Hải Phòng đều là hạ l- u của hệ thống sông Thái Bình, tạo ra một vùng hạ lưu màu mỡ, dồi dào nước ngọt phục vụ đời sống con người nơi. Các con sông lớn của Hải Phòng đều trực tiếp đổ ra biển nên việc thoát lũ rất thuận lợi.

Các con sông ở Hải Phòng: Sông Đá Bạc - Bạch Đằng dài hơn 32 km, Sông Cấm (dài trên 30 km), Sông Lạch Tray (dài 45 km), Sông Văn Úc (dài 35 km), Sông Thái Bình. Ngoài ra, còn có nhiều con sông khác khá nhỏ nằm ở khu vực nội thành quận Hồng Bàng.

Tài nguyên sinh vật.

Tài nguyên sinh vật của Hải Phòng t- ơng đối đa dạng và phong phú mà tập trung chủ yếu ở các vùng đồng quê nông thôn, đặc biệt có giá trị nhất đối với hoạt động du lịch là v- ờn quốc gia Cát Bà. Theo số liệu đã công bố, đảo Cát Bà có 620 loài thực vật bậc cao trên tổng số 745 loài thuộc 483 chi và 123 họ, trong đó có rất nhiều loài gỗ qúy nh- chò đãi, trai lý, kim giao, lát, táu. . và hàng trăm loài cây thuốc khác nhau.

Tài nguyên biển là một trong những nguồn tài nguyên quí hiếm của Hải Phòng với gần 1.000 loài tôm, cá và hàng chục loài rong biển có giá trị kinh tế cao như tôm rồng, tôm he, cua bể, đồi mồi, sò huyết, cá heo, ngọc trai, tu hài, bào ngư... là những hải sản được thị trường thế giới ưa chuộng. Biển Hải Phòng có nhiều bãi cá, lớn nhất là bãi cá quanh đảo Bạch Long Vĩ với trữ lượng cao và ổn định. Tại các vùng triều ven bờ, ven đảo và các vùng bãi triều ở các vùng cửa sông rộng tới trên 12.000 ha vừa có khả năng khai thác, vừa có khả năng nuôi trồng thuỷ sản nước mặn và nước lợ có giá trị kinh tế cao.

2.1.2. Điều kiện kinh tế -xã hội.

***Kinh tế:** Kinh tế phát triển ổn định và liên tục tăng trưởng. Hải Phòng là một trong những trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Việt Nam, đóng góp ngân sách đứng thứ 4 sau Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, và Hà Nội. Hải Phòng nằm trong tam giác tăng tr- ởng kinh tế phía Bắc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Quy mô kinh tế tăng đáng kể so với năm 2005, GDP năm 2010 gấp 1,7 lần, GDP bình quân đầu người tăng 63,4% (năm 2010 đạt 1.742USD/người); tỷ trọng GDP (theo giá so sánh) trong GDP cả nước chiếm khoảng 4,4% (năm 2005 là 3,6%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiên tiến, tỷ trọng GDP của các nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng từ 87% năm 2005 lên 90% năm 2010 (trong đó dịch vụ tăng từ 50,8% lên 53%). Một số ngành, lĩnh vực kinh tế chủ lực, nhiều lợi thế phát triển nhanh, có thêm sản phẩm mới.

Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân 5 năm (2006 – 2010) tăng 4,56%/năm. Kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bảo đảm an ninh lương thực.

***Xã hội.**

C- dân sinh sống tại Hải Phòng xuất hiện từ rất xa x- a. Theo kết quả nghiên cứu khảo cổ học tại di chỉ Cái Bèo (Cát Bà) và di chỉ Tràng Kênh(Thuỷ Nguyên) đã cho thấy dấu vết c- trú của ng- ời cổ x- a ở đây có niên đại cách ngày nay khoảng 6000 năm, đánh giá buổi đầu tiên khai phá mảnh đất này. Từ đó đến nay, cùng với lịch sử dân c- Hải Phòng không ngừng biến động và phát triển.

Dân số Hải Phòng là 1.837.302 người, trong đó dân cư thành thị 847.058 người chiếm 46,1%, dân cư nông thôn 990.244 người chiếm 53,9%. (theo kết quả điều tra dân số ngày 01/04/2009). Mật độ dân số 1.207 người/km2. Dân tộc gồm có người Việt (Kinh), Hoa, Tày, Nùng...

Nhìn một cách tổng quát, dân c- Hải Phòng có trình độ dân c- t- ơng đối cao so với các vùng khác, do có lịch sử phát triển khá sớm, lại là thành phố trực thuộc trung - ơng, là trung tâm kinh tế chính trị, là một cực trong tam giác tăng tr- ởng kinh tế. Nh- vậy, với lực lượng lao động dồi dào, chủ yếu là lao động trẻ có năng lực hứa hẹn sự phát triển Hải Phòng.

Với những thành tựu đã đạt đ- ợc về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, thành phố Hải Phòng hiện đang là thành phố lớn thứ 2 ở miền Bắc, chỉ sau thủ đô Hà Nội, là trọng điểm phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ ở các tỉnh phía Bắc là nơi thu hút nhiều nguồn vốn đầu t- của n- ớc ngoài, khách du lịch trong n- ớc và quốc tế.

2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng.

Là vùng đất cổ x- a, vì vậy thành phố Hải Phòng còn bảo tồn nhiều di sản văn hoá của dân tộc, bao gồm các di tích lịch sử văn hoá, các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, cách thức sinh hoạt, các loại hình nghệ thuật truyền thống, công trình kiền trúc...mang đậm bản sắc văn hoá. Kho tàng di sản quý báu này là những giá trị to lớn mà những thế hệ tr- ớc đã dày công tạo lập và giữ gìn, có giá trị về mặt kiến trúc, t- t- ởng, nghệ thuật và đ- ợc khai thác đ- a vào phục

vụ cho hoạt động du lịch.

2.2.1. Tài nguyên văn hoá vật thể.

2.2.1.1. Khái quát tài nguyên văn hoá vật thể tại Hải Phòng.

Hải Phòng là nơi có nhiều sản phẩm văn hoá vật thể đặc biệt là các di tích lịch sử văn hoá. Theo thống kê của Sở văn hoá thông tin thì hiện nay toàn thành phố có tất cả 542 di tích các loại, trong đó có 96 di tích cấp quốc gia và trên 100 di tích đ- ợc xếp hạng cấp thành phố, chủ yếu là đình, chùa, miếu mạo , nhà thờ, các công trình kiến trúc và một số di tích khác nh- di chỉ khảo cổ... Nhiều công trình kiến trúc cổ đến nay vẫn được bảo quản tốt như: đền Nghè, chùa Hàng, chùa Vẽ, đền Ngô Quyền, đền Trần Quốc Bảo, đền Nguyễn Bỉnh Khiêm, đình Kiền Bái, đình Kim Sơn, đền Bà Đế....

Tài nguyên du lịch văn hoá vật thể ở Hải Phòng rất đa dạng, hấp dẫn có giá trị văn hoá và lịch sử. Có thể nói các di tích lịch sử ở Hải Phòng có giá trị cao đối với hoạt động phát triển du lịch.

2.2.1.2. Một số di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu tại Hải Phòng.

Hải Phòng có nhiều công trình kiến trúc điêu khắc nổi tiếng tiêu biểu cho tài hoa nghệ thuật của ông cha ta như đền Nghè, tháp Tường Long, đình Hàng Kênh, chùa Kiền Bái, miếu Cựu Điện, chùa Dư Hàng, Vân Bản, chùa Mỹ Cụ, Khu Đền Thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đình Đồng Dụ ,...

•Đền Nghè.

Đền thờ nữ tướng Lê Chân, người có công khai phá, tạo dựng vùng đất Hải Phòng, nằm ở trung tâm thành phố cách nhà hát thành phố chừng 600m về phía Tây.

Ngôi đền uy nghi với qui mô vừa phải nhưng từ lâu đã trở thành một trong số những di tích lịch sử nổi tiếng của địa phương. Lúc đầu, đền thờ chỉ là một gian miếu nhỏ, mái lợp gianh. Phần hậu cung được xây dựng vào năm 1919 và toà Tiền bái được xây dựng vào năm 1926. Tổng thể kiến trúc của đền bao gồm: cổng đền xây theo kiểu lầu các, voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá, toà chính điện gồm nhà tiền bái, thiêu hương, hậu cung và nhà thờ Mẫu.

Đền Nghè niềm tự hào của người dân Hải Phòng. Đến với đền Nghè du khách sẽ được chiêm ngưỡng kiến trúc cổ với không gian yên tĩnh và hiểu thêm về những chiến công của Nữ tướng Lê Chân.

- **Tượng đài nữ tướng Lê Chân.**

Bà Lê Chân là người lập ra làng An Biên, khởi thuỷ của thành phố Hải Phòng. Tượng nữ tướng Lê Chân nằm trong công viên trung tâm thành phố, được đặt uy nghi phía khu trung tâm triển lãm thành phố. Tượng được đúc bằng đồng cao 7,49m, cả bệ cao 10,09m, riêng lông chim trên đầu 0,7m. Tượng nặng 19 tấn.

Đây là mẫu dự thi của hai hoạ sĩ Nguyễn Phúc Cường và Nguyễn Mạnh Cường do công ty đúc đồng Hải Phòng thực hiện. Nữ tướng có khuôn mặt đôn hậu, trẻ trung, uy nghi đứng nhìn ra biển Đông, dáng hiên ngang vững trãi, tay cầm đốc kiếm như đang quan sát để chuẩn bị kháng chiến chống giặc, dựng ấp. Người dân Hải Phòng tự hào là con cháu của Nữ tướng Lê Chân.

- **Khu Đền Thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.**

Khu di tích đền thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm tại thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo được Nhà nước xếp hạng cấp quốc gia năm 1991.

Khu di tích gồm nhiều hạng mục công trình, là nơi thờ và trưng bày hiện vật về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Khu di tích gồm 9 hạng mục: tháp bút Kình Thiên; đền thờ dựng sau khi cụ mất (1585) với ba gian tiền đường, hai gian hậu cung, phía trước có hai hồ nước tượng trưng cho trời và đất, bức hoành phi trong đền ghi 4 chữ "An Nam Lý Học"; nhà trưng bày thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Bỉnh Khiêm; phần mộ cụ thân sinh ở phía sau đền; tượng Nguyễn Bỉnh Khiêm bằng đá cao 5,7m, nặng 8,5 tấn; hồ bán nguyệt rộng khoảng 1.000m²; chùa Song Mai; Nhà Tổ có tượng thờ bà Minh Nguyệt, vợ của Nguyễn Bỉnh Khiêm và Quán Trung Tân, nơi lưu giữ quan niệm mới về chữ "Trung" hướng lòng theo "chí trung chí thiện".

Ngày nay khu di tích đã được xây dựng khang trang, trở thành điểm du lịch văn hóa lớn của thành phố, là nơi tổ chức các lễ hội lớn kỷ niệm danh nhân văn hóa Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- **Chùa Dư Hàng.**

Chùa Dư Hàng (tên chữ là Phúc Lâm tự) thuộc đại bàn phường Hồ Nam, quận Lê Chân, cách trung tâm thành phố 2km về phía Tây. Chùa là một công trình kiến trúc cổ, xây dựng từ thời Tiền Lê (980 - 1009). Vua Trần Nhân Tông (1258-1308) - vị tổ thứ nhất của phái Thiền Trúc Lâm và Huyền Quang - vị tổ thứ ba của phái này th- ờng qua chùa để giảng pháp. Qua nhiều lần trùng tu, chùa đ- ợc trùng tu tôn tạo nh- hiện nay. Quy mô kiến trúc chùa bề thế, toà chính điện làm theo kiểu chữ Đinh(J).Chùa Dư Hàng có kiến trúc bề thế, khuôn viên hoàn chỉnh, gồm tòa phật điện 7 gian, gác chuông cao 3 tầng, mái đao cong vút, quả chuông đồng cỡ lớn, chữ đề: "Phúc Lâm tự chung", nghĩa là chuông chùa Phúc Lâm.

Chùa Dư Hàng được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1986.Đến thăm chùa Hàng du khách sẽ đ- ợc chiêm ng- ỡng những công trình phật giáo hấp dẫn, là điểm tham quan không thiếu của du khách khi tới Hải Phòng.

•Đình Hàng Kênh (Nhân Thọ đình).

Đình Hàng Kênh (tên chữ là Nhân Thọ đình), nằm trên đường Nguyễn Công Trứ phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Theo bia ký còn lưu giữa tại di tích, đình Hàng Kênh ngày nay khởi dựng vào năm 1719, đời vua Lê Dụ Tông và được trùng tạo từ năm 1841 đến 1850. Đình Hàng Kênh tọa lạc trên một khuôn viên rộng chừng 6000m2 với bố cục kiến trúc truyền thống: đại đình, tòa ống muốn và hậu cung. Ngoài kiến trúc chính còn có hai tòa giải vũ, văn miếu, hồ bán nguyệt.

Đình Hàng Kênh là di tích đặc biệt, tiêu biểu của Thành phố Hải Phòng, được Nhà nước xếp hạng năm 1962.

•Đình Nhân Mục.

Nhân Mục là tên một làng thuộc xã Nhân Hòa huyện Vĩnh Bảo, nơi có ngôi đình cổ nổi tiếng. Đình Nhân Mục là di tích kiến trúc nghệ thuật hoàn toàn bằng gỗ lim còn khá nguyên vẹn.

Đình Nhân Mục gồm 5 gian tiền đường có chiều dài 15m, rộng lòng 5m. Cột lớn (cột cái) có đường kính xấp xỉ 0,7m, cao 4,2m. Đình lợp ngói mũi hài, có một hậu cung dài 9m, rộng 4m. Đình Nhân Mục có bộ khung sườn bằng gỗ tứ thiết được liên kết bằng vì kèo, xà với kỹ thuật sàm mộng.

Đình Nhân Mục được xây dựng khá sớm (thế kỷ 17), ngôi đình hiện tại là sản phẩm của đợt trùng tu hoàn thành vào năm 1941. Nó là một công trình khá hoàn chỉnh, chẳng những được bố cục đẹp bên ngoài mà cấu trúc bên trong toàn diện và khá độc đáo.

Đình Nhân Mục không chỉ là nơi tàng giữ, bảo tồn những di vật nghệ thuật quý mà còn là trung tâm bảo lưu những sinh hoạt văn hóa cổ truyền tốt đẹp của dân tộc. Đình Nhân Mục và nghệ thuật biểu diễn rối nước là những "viên ngọc văn hóa" quý báu của thành phố Hải Phòng.

•Đình Quán Khái.

Đình Quán Khái thuộc thôn Quán Khái, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo, cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 40km về phía đông nam.

Đình Quán Khái là một tổng thể công trình kiến trúc cổ mang niên đại nghệ thuật Nguyễn đầu thế kỷ XX. Đình là một tổng thể kiến trúc bao gồm: hồ bán nguyệt, ngũ môn, t- ờng bao, sân, từ chỉ và toà đại đình. Bố cục đăng đối theo đường "thần đạo"giống một cung điện thu nhỏ.

Ngoài giá trị lịch sử tôn thờ nhân vật lịch sử thời đại Hùng Vương, giá trị kiến trúc và nghệ thuật trang trí mẫu mực đầu thế kỷ XX ở thành phố Hải Phòng, đình Quán Khái còn bảo lưu nhiều đồ thờ tự như hương án, tranh, tượng tròn, câu đối, đại tự, cửa võng, sập, chấp kích, long đình, bát biểu... phản ánh truyền thống làm nghề thủ công mỹ nghệ lâu đời của quê lúa Vĩnh Bảo còn được lưu truyền đến ngày nay.

•Đình Kiền Bái.

Đình Kiến Bái nằm ở xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Xưa kia, Kiền Bái còn có tên là Hổ Bái Trang thuộc huyện Thủy Đường, phủ Kinh

Môn, trấn Hải Dương. Trang Hổ Bái có 12 xóm, dân cư tập trung đông hơn cả là xóm Đông. Do đó, đình Kiền Bái nằm ở ngay xóm Đông. Các vị thần được thờ ở đình là: Trung Quốc Cảm ứng thượng đẳng thần và Lôi Công Uy Diệu thượng đẳng thần. Đình Kiền Bái là di tích lịch sử văn hóa có giá trị nghệ thuật cao, được Nhà nước xếp hạng cấp quốc gia năm 1986.

Một số công trình kiến trúc tiêu biểu:

• Nhà hát lớn Hải Phòng.

Nhà hát lớn nằm ở khu trung tâm - quảng tr- ờng thành phố, được thiết kế phỏng theo kiến trúc của các nhà hát Pháp thời trung cổ, quá trình, thiết kế, xây dựng kéo dài từ năm 1904 đến 1912 mới xong và toàn bộ nguyên vật liệu được chuyển từ Pháp sang. Nhà hát lớn cao 2 tầng, có hành lang, có tiền sảnh, phòng g- ơng, phòng gửi quân áo, căng tin...và một sân khấu chính với khán tr- ơng 400 ghế.. Hiện tại sau nhiều lần trùng tu, sửa chữa, cơ bản Nhà hát Lớn vẫn giữ được kiến trúc ban đầu.

Quảng tr- ờng Nhà hát là nơi hội họp, tổ chức những cuộc mít tinh chào mừng những sự kiện lớn của thành phố hay của dân tộc.

•Quán Hoa.

Quán hoa được xây dựng cuối năm 1944, quán hoa Hải Phòng thiết kế theo phong cách nghệ thuật Phương Đông. Gồm 5 quán bán hoa được xây dựng từ thời Pháp thuộc trên khu vực quảng trường Nhà hát Lớn với mái ngói mũi hài, các đâu đao uốn cong, đường nét kiến trúc đình làng cổ Việt Nam. Mỗi quán có diện tích rộng gần 20m2, cao gần 4m, các quán các nhau 6m, toàn bộ trải đều trên diện tích 300m2. Quán đươc thiết kế 4 cột gỗ lim, chân kê đá, hệ thống dầm dui cũng bằng gỗ lim, 4 mái lợp ngói mũi. Sau nhiều lần tu tạo, đến nay kiến trúc chung của 5 quán hoa đã lược giản đi ít nhiều nhưng vẫn giữ được hình thể ngày đầu xây dựng. Quán Hoa như một điểm nhấn trong dải trung tâm đô thị Hải Phòng tạo nên nét đẹp riêng, duyên dáng của thành phố Cảng.

•Bảo tàng Hải Phòng.

Bảo tàng Hải Phòng được xây dựng năm 1919, đây là một trong những công trình kiến trúc mang phong cách kiến trúc Gothique của Châu Âu.

Du khách đến tham quan Bảo tàng Hải Phòng được thưởng thức không chỉ vẻ đẹp bên ngoài với những vòm mái, khung nhà... mà còn được chiêm ngưỡng những phòng trưng bày giới thiệu về thành phố Hải Phòng theo từng chủ đề :Thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên Hải Phòng, Hải Phòng từ thời tiền sử đến chiến thắng Bạch Đằng năm 938, Hải Phòng từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV - Hải Phòng - đô thị cảng biển của cả nước (1874, 1888, 1930), Phong trào yêu nước và cách mạng ở Hải Phòng từ cuối thế kỷ XIX đến cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hải Phòng 30 năm kháng chiến chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1945 - 1975), Thành phố Hải Phòng trong thời kỳ thống nhất đất nước và đổi mới (1975 đến nay), Bản sắc văn hoá truyền thống Hải Phòng, Hải Phòng trong lòng bè bạn năm châu.

Thăm Bảo tàng giúp bạn hiểu rõ hơn về Hải Phòng - miền đất nơi đầu sóng ngọn gió nhưng vẫn vươn mình đứng dậy phát triển không ngừng.

2.2.2. Tài nguyên văn hoá phi vật thể.

2.2.2.1. Các lễ hội.

Các lễ hội ở Hải Phòng mang đậm tính lịch sử văn hoá tín ng- ỡng th- ờng gắn liền với chiên sông chống giặc ngoại xâm của dân tộc (Bà Lê Chân, Ngô Quyền, Trần H- ng Đạo ...), các lễ hội gắn với các vị tổ nghề và thành hoàng làng...Một số lễ hội ở Hải Phòng có tính chất vùng rộng lớn cuốn hút hàng vạn ng- ời tham gia. Nơi diễn ra lễ hội th- ờng gắn liến với di tích lịch sử văn hoá , các thắng cảnh nổi tiếng, có giao thông thuận tiện, đây là lợi thế lớn để Hải Phòng phát triển phát triển loại hình du lịch nhân văn.

Những lễ hội văn hoá truyền thống như: lễ hội Đua thuyền Cát Bà, lễ hội hát đúm Thuỷ Nguyên, lễ hội chọi Trâu Đồ Sơn, lễ hội pháo đất Vĩnh Bảo...

- **Một số lễ hội tiêu biểu ở Hải Phòng.**

Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn.

Là một lễ hội truyền thống của người dân Đồ Sơn, Hải Phòng diễn ra vào ngày 9 tháng 8 âm lịch hàng năm. Để chuẩn bị người ta lựa chọn trâu rất công phu trong khoảng một năm.

Theo quan niệm cổ xưa, nếu trâu làng nào thắng trận trong lễ hội, năm ấy

cả làng sẽ gặp nhiều may mắn, mưa thuận gió hoà, mọi người bình yên trong suốt hành trình đi biển. Và đặc biệt hơn nữa là cho dù thắng hay thua, sau khi kết thúc lễ hội, các trâu đều được mổ thịt tế lễ trời đất, cầu mùa màng thuận hoà. Người ta cũng tin rằng, nếu được ăn thịt trâu chọi trong dịp lễ hội, sẽ gặp nhiều điều may mắn.

Lễ hội chọi trâu cũng như nhiều lễ hội khác có hai phần, phần lễ và phần hội đan xen. Hiện nay, Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn vẫn mang đậm bản sắc và đầy đủ các nghi thức truyền thống dân gian: Rước kiệu và long đình, bát biểu, hành lễ tế thành hoàng làng, dùng trang phục cổ và nhạc cụ dân tộc, tặng thưởng cao chủ trâu và trâu thắng trong trận cuối cùng đoạt ngôi vô địch. Tuy nhiên, cũng có những cải biến nhằm thích ứng với hoàn cảnh mới.

Năm 1990, Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn được khôi phục lại và được Nhà nước xác định là 1 trong 15 lễ hội quốc gia, bởi lễ hội này không chỉ có giá trị văn hoá, tín ngưỡng, độc đáo mà còn là điểm du lịch hấp dẫn với mọi người.

Lễ hội Đền Trạng Trình.

Lễ hội Đền Trạng Trình được tổ chức thường niên tại Hải Phòng nhằm tưởng nhớ đến công đức, thân thế và sự nghiệp của danh nhân văn hóa Nguyễn Bỉnh Khiêm - người tài cao, đức trọng, bậc hiền triết, uyên thâm mẫu mực của thời nhà Mạc (thế kỷ XVI).

Lễ hội Đền Trạng Trình tổ chức (năm nay sẽ diễn ra trong 3 ngày từ 28 tháng 11 âm lịch). Trong khuôn khổ lễ hội có nhiều hoạt động đa dạng như: lễ dâng hương, đọc chúc văn và diễn ca nghệ thuật kỷ niệm, triển lãm trưng bày tư liệu giới thiệu về thân thế, sự nghiệp của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, hội thi thư pháp, giải vật dân tộc, diễu hành mô tô, xe đạp hành hương về quê Trạng Trình... cùng các trò chơi dân gian độc đáo như đánh gậy, chọi gà, cờ người, thi thả diều, pháo đất.... cùng một số hoạt động văn hóa, văn nghệ tại huyện Vĩnh Bảo.

Trong những năm gần đây, lễ hội đền Trạng được mở rộng hơn đã thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham dự. Nếu có dịp đến Hải Phòng và tham gia lễ hội, chắc chắn bạn sẽ có những ấn tượng đẹp về lệ hội với những sắc

màu văn hóa đặc sắc này.

*** Lễ hội đua thuyền rồng trên biển.**

Đua thuyền rồng là một lễ hội truyền thống của ngư dân đi biển các huyện Cát Bà, Cát Hải, Đồ Sơn.. (Hải Phòng) được tổ chức vào khoảng tháng 4,5 dương lịch hằng năm khi kết thúc vụ cá Bắc mở đầu vụ cá Nam.

Thuyền rồng đua biển có hình thoi dài 11m, rộng 1,5m được đóng rất kỳ công. Mỗi thuyền có từ 22 đến 26 người. Mờ đầu cuộc thi là tiết mục kéo co giữa các đội thuyền trên biển. Sau tiết mục kéo co là lắc thúng thuyền không mái của những người ngư dân đến từ vùng biển Nam Trung bộ. Tiếp đến là đua thuyền rồng. Đường đua dài 1km có cắm cờ báo hiệu ở hai đầu, thuyền đua sẽ phải đi 3 hoặc 4 vòng, thuyền nào về đích trước sẽ đoạt giải**.**

Có thể nói, lễ hội đua thuyền rồng là hình ảnh đặc trưng, độc đáo của những người đi biển với mục đích cầu mong cho mưa thuận, gió hòa, sóng yên biển lặng trong năm để ngư dân ra khơi đánh cá đầy khoang, làm ăn phát đạt.

****Lễ hội núi Voi.***

Lễ hội truyền thống núi Voi (huyện An Lão) thành phố Hải Phòng diễn ra vào các ngày 15, 16, 17 tháng Giêng). Đây là dịp để du khách được tìm hiểu về vùng đất có bề dày lịch sử và tham gia các hoạt động văn hoá độc đáo.

Nhiều hoạt động của lễ hội đã tái hiện một thời hào hùng của vùng đất An Lão, như: biểu diễn trống hội, diễn tích tuồng Hào khí núi Voi, nghi lễ tế ở đền thờ Nữ tướng Lê Chân, chùa Chi Lai... Những hoạt động văn hoá, trò vui dân gian là nội dung chủ đạo của lễ hội còn có sự tham gia của các đội văn nghệ, góp phần làm phong phú Lễ hội.

Hoạt động thể thao thể hiện sự gắn kết hài hòa giữa hiện đại với truyền thống nh- : vật, bóng chuyền hội núi Voi, cùng các trò chơi dân gian như cờ tướng, chọi gà...Cùng với những giá trị lịch sử và văn hoá của khu di tích Núi Voi, du khách sẽ được thưởng thức các sản vật, món ăn nổi tiếng mang đậm hương vị quê hương như chè Chi Lai, khoai Tiên Hội, dê núi...Thật thú vị khi vừa được thưởng thức thú vui ẩm thực lại được nghe những làn điệu chèo, ca

trù, hát đúm, hát tuồng...mượt mà, đằm thắm, đậm chất dân ca.

Núi Voi đã, đang và sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

***Lễ hội Đình Hàng Kênh.**

Đình Hàng Kênh là một công trình kiến trúc nghệ thuật điêu khắc có giá trị của thành phố. Lễ hội ở đình Hàng Kênh thường tổ chức trong 5 ngày vào trung tuần tháng 2 âm lịch (từ ngày 16 đến 20).

Trình tự đám rước ở đình Hàng Kênh như sau: Đi đầu là 5 cờ ngũ hành rồi đến đôi càm cạp đi giữ trật tự, tiếp theo là đoàn người mang bát biểu, chiêng, trống, long đình, chấp kích, phường bát âm rồi đến kiệu thần tượng Ngô Quyền. Sau kiệu là các vị chức sắc rồi mới đến dân làng. Những người mang vác, khiêng các đồ vật đi rước thường mặc áo nâu, sau khi rước sắc về đình thì tiến hành ngoại tán, hội còn tổ chức đánh vật cùng nhiều trò chơi khác, người làng tham gia đấu vật trước rồi mới đến người ngoài.

Bên cạnh đó Lễ hội đình Hàng Kênh còn tổ chức chơi cờ người. Một bên nam, một bên nữ đều chưa vợ, chưa chồng. Buổi tối tại lễ hội còn có hát chèo, đêm hát ca trù.

***Hội đánh pháo đất Vĩnh Bảo.**

Hội thi được tổ chức vào ngày 3 tháng 8 âm lịch hằng năm tại các xã Tân Hưng, Tam Đa, Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Đất làm pháo lấy từ đáy sông, loại đất đã được gạt hết lớp bùn từ chiều hôm trước, phơi cho se mặt. Sáng hôm sau lấy chày hoặc tay luyện đất. Mọi người đều có thể tham gia đánh pháo, nhưng phần đông là những chàng trai và người ta chia những người dự thi thành nhiều "cỗ pháo". Mỗi cỗ gồm ba bốn người, được nhận từ 25 kg đến 30 kg đất để thi làm pháo nhanh.

Pháo nổ càng to cánh pháo càng mở dài, càng nói lên sức khỏe, nghệ thuật cao của người đánh pháo và kỹ thuật giỏi của người làm pháo. Ban tổ chức cộng chiều dài cánh pháo của ba lần tung pháo và ba lần đập pháo mà xếp giải.

2.2.2.2. Các loại hình nghệ thuật truyền thống.

Hải Phòng cũng là địa phương bảo tồn được nhiều loại hình nghệ thuật dân

gian truyền thống. Xã Đồng Minh (Vĩnh Bảo) đ- ợc coi là quê hương của môn nghệ thuật múa rối: rối nước, rối cạn, rối đèn (đèn kéo quân), thả đèn trời, thi pháo đất, làm con rối Đồng Minh (Vĩnh Bảo) mà ông tổ nghề Tô Phú Vượng tiêu biểu cho tài năng điêu khắc được vua Lê ban nghệ danh *kỳ tài hầu*. Cổ Am, tạo hình tứ linh và các con vật...từ cây. Xã Phục Lễ, Phả Lễ (Thủy Nguyên) có hội xuân hát đúm...Những loại hình nghệ thuật văn hoá dân gian phi vật thể của Hải Phòng hấp dẫn thu hút khách du lịch.

2.2.3. Tài nguyên du lịch nhân văn khác.

• Nghề và các làng nghề truyền thống.

Các ngành nghề thủ công truyền thống có giá trị kinh tế và văn hoá cao ra đời nhiều làng nghề chuyên sâu, cung cấp cho xã hội nhiều mặt hàng tiêu dùng, thoả mãn nhu cầu thiết yếu của địa ph- ơng, của đất n- ớc và một phần xuất khẩu. Trải qua hàng ngàn năm, với bao biến đổi thăng trầm của lịch sử, một số nghề mai một thất truyền. Những ngành nghề hiện đang con duy trì trở thành tài sản văn hoá quý báu của dân tộc là sức mạnh nội lực phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá của thành phố.

Hải Phòng là vùng đất có con người sinh sống từ thủa xa xưa nhưng cũng là nơi luôn được bổ sung bằng những lớp cư dân từ nhiều địa phương kéo đến từ các miền trung du, đồng bằng, hải đảo. Ngoài ra còn có những cư dân trên sông biển, những vạn chài từ nơi khác bằng đường biển đã kéo về lập nghiệp, sinh sống nơi đây. Những lớp cư dân hội tụ ở đây hầu hết là những người nghèo khổ phải dời bỏ quê hương đến đây tìm đất sống, vật lộn với đồng chua nước mặn, với sóng gió biển khơi. Sự hòa hợp dân cư nhiều vùng, miền đã tạo nên nét văn hóa đan xen đa dạng, sinh động của Hải Phòng. Hải Phòng có nhiều làng nghề nổi tiếng từ xưa như làng tạc tượng, làm chiếu cói, thảm cói Nam Am, làm đá ở Núi Voi (An Lão), làm chum, vại, nồi đất Tiên Hội, trồng hoa Đằng Hải, đúc đồng, gang ở Mỹ Đồng(Thuỷ Nguyên), dệt vải - Cổ Am, thảm len-Tràng Kênh, làng chạm khắc, tạc t- ợng - Đồng Minh, làng hoa - Đằng Hải, làng cau - Cao Nhân, n- ớc mắm - Cát Hải, bánh đa - Nông Xá ....

• Chợ Hải Phòng.

Ngày nay với sự tăng tr- ởng của kinh tế - xã hội cuộc sống của ng- ời dân ngày càng đ- ợc nâng cao nhu cầu mua sắm, trao đổi của ng- ời dân cùng ngày đ- ợc mở rộng nhiều siêu thị đ- ợc xây dựng để phục vụ cho nhu cầu của ng- ời dân thì hệ thống các trung tâm mua sắm, siêu thị mọc lên khắp nơi nh- : Parkson, Siêu thị BigC, Siêu thị Metro, Siêu thị Kiến An, Siêu thị Intimex ...Tuy nhiên các trung tâm này không hấp dẫn đ- ợc du khách lắm vì việc mua bán chỉ diễn ra một chiều, nét đặc trưng của văn hoá "mặc cả" nhiều du khách thích thì ở đây không có.

Hải Phòng còn có một số chợ lớn nh- : chợ Ga, chợ Đổ, chợ Sắt, chợ Hàng, chợ đêm Tam Bạc... nhìn chung các chợ này ch- a đ- ợc khai thác nhiều cho du lịch.

Đến mỗi vùng miền đất nước, du khách thường hay đến chơi và mua sắm ở các khu Chợ, nhất là những chợ quê ở vùng đó. Hải Phòng có một hệ thống chợ quê rộng khắp và đ- ợc bố trí khá hợp lý, làng nào cũng có chợ. Tuỳ theo từng nơi mà quy mô và cách tổ chức chợ khác nhau. Có nơi là chợ phiên (th- ờng là ba bốn hôm hoặc một tuần một lần), có nơi là chợ hôm (chợ họp buổi sáng hoặc buổi chiều nh- ng cũng có chợ họp cả ngày).

Hải Phòng còn có các khu chợ chuyên kinh doanh một số mặt hàng nh- chợ hải sản, chợ sắt, chợ hàng(chợ cây cảnh và con giống).

Một số chợ quê tiêu biểu của Hải Phòng nh- :

Chợ Hỗ (huyện An D- ơng) nằm trên trục quốc lộ 5, tiền thân là chợ Đò Dầu nổi danh "Thứ nhất kinh kỳ thứ nhì Dầu Hỗ.

Chợ Giải (Hà Đới - Tiên Thanh) ở huyện Tiên Lãng, mỗi năm chỉ họp một phiên và ngày mở hội cũng chính là ngày hội làng, vào ngày mồng 2 tháng giêng âm lịch. Theo lệ cổ,ngày hôm đó , nhân dân trong vùng nô nức kéo đến tr- ớc cửa đình Hà Đới họp chợ xuân.

Chợ Giá thuộc địa phận xã Kênh Giang, huyện Thuỷ Nguyên nằm bên bờ sông Giá, vì thế chợ đ- ợc mang tên sông. Tr- ớc đây chợ là trung tâm buôn bán lớn nhất trong huyện và khu vực lân cận. Chợ họp theo phiên, mỗi khi chợ họp đông vui nh- trẩy hội, cảnh hàng lên xuống bền thuyền thật là sầm uất. Chợ Giá

đã đi vào câu ca dao của ng- ời Thuỷ Nguyên.

Nhất cao là núi U Bò

Nhất đông chợ Giá

Nhất to sông rừng

Có thể nói văn hoá chợ Hải Phòng có sức hấp dẫn nh- ng nhìn chung ch- a đ- ợc phát triển trong hoạt động du lịch. Để chợ thực sự trở thành điểm đến trong ý t- ởng của khách du lịch cần có những biện pháp về quy hoạch đầu t- , xây dựng cảnh quan, giao thông, ph- ơng thức quản lý đặc biệt là văn hoá ứng xử... Mỗi chợ phải có nét đặc thù khác biệt để tạo ấn t- ợng cho du khách nhất là khách du lịch quốc tế.

- **Ẩm thực.**

Cũng như nhiều tỉnh thành khác trong cả nước, ngoài những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hoá, Hải Phòng còn hấp dẫn khách du lịch bởi những món ăn độc đáo mà không nơi đâu có được. Nói về đặc sản của một thành phố, thì nhiều người thường nghĩ đến những món ăn sang trọng và đắt tiền chỉ có thể tìm thấy trong các nhà hàng, khách sạn hạng sao. Thế nhưng, ở Hải Phòng, không cần phải mất nhiều tiền, không cần phải tìm đến những nơi sang trọng, du khách vẫn có thể thưởng thức được những món ăn mà có thể nói là không nơi nào có được

Ẩm thực Hải Phòng bình dị và dân dã, không cầu kỳ nhưng đậm đà khó quên. Phong cách chế biến hải sản ở Hải Phòng theo phong cách dân dã, nhấn mạnh thực chất và vị tươi ngon của nguyên liệu nhiều hơn sự cầu kỳ trong gia vị và cách chế biến. Những hàng quán ngon nhất thường nằm ở trung tâm thành phố, phố Lương Khánh Thiện, Đình Đông, Hai Bà Trưng, Cát Cụt, Phan Bội Châu, Lê Đại Hành,... Một số món ăn trở thành đặc trưng của thành phố này là: bánh đa cua, bún cá, bánh cuốn, bánh bèo, món ốc**,** bún om cá rô, nộm giá Cát Hải, chả cá thu...Hải Phòng nổi tiếng với các món ăn hải sản mang h- ơng vị biển, những món ăn chế biến từ các hải sản nh- : tu hài, rắn biển, nem hải sản, cá song, gỏi tôm, sam biển, lẩu bề bề, cua rang muối, nem cua bể, cơm cháy hải sản.....Tuy nhiên, thực khách vẫn ấn tượng nhất với những món ăn này khi được

thưởng thức trên chính thành phố Hải Phòng.

Ngày nay, việc đưa văn hóa ẩm thực vào các chương trình du lịch đã trở nên phổ biến. Đó là cách để *lấy tiền* của du khách một cách lịch sự nhất. Việc xây dựng các chương trình du lịch ẩm thực thường được các công ty tổ chức thành 2 lọai: Chương trình du lịch chuyên biệt và chương trình du lịch kết hợp. Nhiều liên hoan du lịch Thành phố đều tổ chức lễ hội ẩm thực đã mang đến cho người dân thành phố và du khách những điều thú vị về văn hóa ẩm thực cũng như nghệ thuật chế biến món ăn. Đến Hải Phòng, du khách có thể thưởng thức các hương vị ẩm thực khác nhau. Tất cả đều tạo hướng đi mới cho ngành du lịch trong việc tạo ra nhiều sản phẩm du lịch độc đáo phục vụ khách du lịch.

2.3. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng phục vụ cho việc phát triển du lịch.

2.3.1. Tình hình khách du lịch đến Hải Phòng.

Xây dựng Hải Phòng trở thành một trong những trung tâm du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ theo Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị là những nhiệm vụ và giải pháp mang tính tổng thể, lâu dài. Hải Phòng là nơi tập trung nhiều tài nguyên du lịch, cả tự nhiên và nhân văn. Cùng với sự gia tăng của dòng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, dòng khách quốc tế đến Hải Phòng cũng gia tăng đáng kể.

Hoạt động kinh doanh du lịch của thành phố có nhiều khởi sắc, l- ợng, khách du lịch và doanh thu du lịch đều tăng qua các năm. Theo số liệu thống kê báo cáo của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng, từ năm 2006 đến 2010, tổng lượng khách du lịch đến thành phố tăng từ 2.964.845 l- ợt khách lên 4.201.000 l- ợt khách, khách nội địa tăng từ 2.362.745 l- ợt khách lên 3.604.600 l- ợt khách. Doanh thu từ năm 2006 đến 2010 tăng từ 728.408 tỷ đồng lên 1.338.800 tỷ đồng, tăng 13,4%. Năm 2011, du lịch Hải Phòng phấn đấu đón và phục vụ 4,5 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế: 800 nghìn lượt, doanh thu du lịch đạt: 1.500 tỷ đồng.

 u tiên thu hút khách du lịch có khả năng chi trả cao, có mục đích du lịch

thuần tuý, lưu trú dài ngày. Tập trung thu hút phát triển mạnh thị trường khách quốc tế cao cấp: Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), Đông Nam Á và Thái Bình Dương (Singapore, Malaysia, Indonesia,...), tăng cường khai thác thị trường khách cao cấp đến từ Châu Âu.

Khách du lịch nội địa đến Hải Phòng chủ yếu là từ Hà Nội, Quảng Ninh và các tỉnh khu vực phía Bắc với mục đích nghỉ dưỡng tắm biển tham quan, nghiên cứu các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, hội nghị, vui chơi, giải trí. Khách từ phía Nam ra chủ yếu là khách công vụ.

Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch Hải Phòng (2006-2010).

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2006	2007	2008	2009	2010
1.Tổng l- ợt khách du lịch	L- ợt khách	2.964.845	3.577.917	3.900.956	4.001.501	4.201.000
-Khách quốc tế	L- ợt khách	602.100	615.996	668.550	630.969	596.400
-Khách nội địa	L- ợt khách	2.362.100	2.961.921	3.232.406	3.370.532	3.604.600
2.Cơ sở l- u trú	Cơ sở	198	201	212	214	252
-Số phòng	Phòng	5.357	5.570	5.913	5.933	6.566
3.Tổng doanh thu	Tỷ đồng	728,408	1.023,755	1.165,452	1.211,440	1.338.800

(Nguồn: Sở Du Lịch Hải Phòng)

Hiện nay, Hải Phòng đang đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lữ hành đặc biệt là kinh doanh lữ hành quốc tế. Các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đã tập chung vào khai thác các thị tr- ờng du lịch trọng điểm nh- Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các n- ớc ASEAN...

Hải Phòng hiện có 85 đơn vị hoạt động kinh doanh lữ hành, trong đó có 15 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế. Bình quân cứ 3 đơn vị l- u trú thì có 1 đơn vị lữ hành. Kết quả đó đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian qua.

Về qui hoạch *:* Qui hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 1996 - 2010 đã đ- ợc Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt tại

Quyết định số 1151/QĐ-UB ngày 11/7/1997, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020 và đã đ- ợc ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 142/QĐ-UB ngày 17/01/2008. Quy hoạch tổng thể đã xác định đ- ợc các vùng trọng điểm tập trung đầu t- cho phát triển du lịch: qui hoạch chi tiết quận Đồ Sơn, qui hoạch chi tiết thị trấn Cát Bà, quy hoạch du lịch nội thành và các địa bàn, khu có tiềm năng phát triển du lịch: Kiến Thuỵ, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thủy Nguyên, An D- ơng.

Về đầu t- .

Huy động vốn từ nhiều nguồn đầu t- phát triển du lịch. Hàng năm, Thành phố xây dựng kế hoạch vốn ngân sách địa ph- ơng và khai thác nguồn vốn Trung Ương đầu t- hạ tầng tại các vùng trọng điểm du lịch của Thành phố. Thu hút các nguồn vốn khác đầu t- kinh doanh du lịch. Xây dựng cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế đầu t- du lịch. Đẩy mạnh hợp tác liên doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài n- ớc đầu t- phát triển du lịch, đồng thời khuyến khích đầu t- hạ tầng tiến tới xã hội hóa đầu t- phát triển du lịch để huy động tối đa các nguồn vốn trong xã hội.

Chủ yếu xây dựng khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế, các trung tâm thương mại tại Hải Phòng, các khu du lịch sinh thái quốc tế, các khu resort cao cấp, khách sạn quốc tế. Các dự án lớn đang được triển khai tại Hải Phòng như đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, Dự án Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải (xây dựng đường ô tô Tân Vũ, cầu Đình Vũ, cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện...) và Dự án Sân bay quốc tế Tiên Lãng đang tiến hành nghiên cứu quy hoạch, khu đô thị Ngã 5 – Sân bay Cát Bi đang dần hoàn chỉnh, khu đô thị Bắc sông Cấm, sông Giá Resort (huyện Thủy Nguyên), Khu đô thị Xi măng Hải Phòng (quận Hồng Bàng), Khu du lịch quốc tế Hòn Dáu Resort, Đảo du lịch Hoa Phượng, Sân golf Đồ Sơn (quận Đồ Sơn), Khu đô thị mới Cựu Viên (quận Kiến An), Khu đô thị mới Cái Giá – Cát Bà, Khu du lịch nghỉ dưỡng Cát Bà Amatina, làng Việt kiều quốc tế... sẽ là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Cảng thời gian tới.

2.3.2. Các ch- ơng trình du lịch tiêu biểu của Hải Phòng và thực trạng khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng.

Hải Phòng là một trong những Trung tâm du lịch lớn của cả nước, những năm gần đây Hải Phòng luôn là một điểm đến lý tưởng để du khách trong và ngoài nước có cơ hội khám phá những nét độc đáo về du lịch. Sản phẩm tour du lịch của Hải Phòng ngày càng đa dạng và lôi cuốn, với hệ thống di tích đền, đình, chùa, miếu và giá trị văn hoá truyền thống lễ hội, tài nguyên ..điều đó đã góp phần làm phong phú các tour du lịch trên địa bàn.

Ngoài thế mạnh du lịch biển được biết đến, Hải Phòng sở hữu hệ thống chùa đình, miếu với giá trị văn hóa, kiến trúc lâu đời, là điều kiện thuận lợi nghỉ dưỡng kết hợp với du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, các tour du lịch quen thuộc thường xuyên được khai thác như: tuyến du lịch khảo đồng quê, du lịch nội thành, du lịch cộng đồng đều gắn liền với những giá trị tài nguyên du lịch nhân văn như: chùa D- Hàng, đình Hàng Kênh, đền Nghè, miếu Bảo Hà, đình Nhân Mục, Nhà hát lớn thành phố, quán hoa..Các tour du lịch này đã thu hút đ- ợc số l- ợng lớn khách du lịch cả trong n- ớc và quốc tế.

***Tuyến Du lịch nội thành (City tour)*,** gồm các điểm tham quan: Bảo tàng - Nhà hát thành phố - Quán hoa - T- ợng đài nữ t- ớng Lê Chân - Đền Nghè - Chùa Hàng - Đình Kênh. Khu vực nội thành Hải Phòng có mật độ di tích lịch sử văn hoá dày đặc nhất với nhiều di tích, đều là những điểm tham quan hấp dẫn. Tham gia tuyến du lịch này du khách sẽ tìm hiểu đ- ợc lịch sử, kiến trúc văn hoá và đặc biệt là đời sống của ng- ời Hải Phòng. Đây là tuyến du lịch hấp dẫn và đã đ- - ợc các hãng lữ hành của Hải Phòng cũng nh- các tỉnh, thành phố bạn khai thác, (chủ yếu là khách quốc tế của các công ty lữ hành quốc tế của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) đến tham quan tuyến du lịch này. Tour du lịch nội thành đ- ợc các công ty du lịch khai thác hiệu quả, l- ợng khách du lịch tham gia tour bao gồm cả khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Hải Phòng không ngừng tăng.

Tuyến du lịch Bến Nghiêng – Đảo Dáu. Một tuyến du lịch hấp dẫn khác thu hút thường xuyên một lượng lớn khách du lịch tham gia đó là "*Tuyến* du lịch

Bến Nghiêng – Đảo Dáu". Từ Bến Nghiêng lịch sử - nơi tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng, tàu sẽ đưa du khách ra tham quan đảo Dáu.

Theo lời của một số ngư dân thường đánh cá chung quanh khu vực này thì đây là một trong những nơi linh thiêng, sùng kính của người dân Đồ Sơn. Người dân Đồ Sơn chủ yếu sống bằng nghề đi biển, nên mỗi lần đi qua đây họ đều ghé thuyền vào đảo lên đền dâng hương, và từ đó trở thành nét văn hóa ứng xử của người dân vùng đất này.

Ngôi đền cổ ở đảo Dáu có tự bao giờ chưa rõ nhưng ở đây thờ một vị thần đó là Lão đảo thần vương và ngôi đền thờ nằm ở phía Nam bán đảo Đồ Sơn nên đền thờ có tên là Nam Hải Đại vương. Việc mở tuyến du lịch Bến Nghiêng – đảo Dáu góp phần làm phong phú thêm các hoạt động du lịch không chỉ của Đồ Sơn mà của du lịch thành phố. Tham gia chương trình du lịch này du khách hiểu thêm yêu miền đất cổ Đồ Sơn lung linh những huyền thoại.

Trên thực tế tour này ch- a đ- ợc khai thác nhiều, số l- ợng khách tham quan không nhiều chủ yếu mới chỉ phục vụ một số đoàn khách quốc tế, ch- a khai thác đ- ợc nhiều thị tr- ờng nội địa.

Tuyến Đồ Sơn – Kiến Thụy – Tiên Lãng(đ- ợc xây dựng từ năm 2007, gồm các điểm tham quan: Bến tầu không số, Đồi Vạn Hoa, Đồ Sơn - Chùa Trà Ph- ơng, Đền Mõ, Kiến Thuỵ - Đền Gắm, Khu Suối khoáng nóng - Tiên Lãng). Đến Hải Phòng có lẽ du khách không nên bỏ lỡ cơ hội được tham gia vào tuor du lịch bằng đường bộ đây là tour du lịch sinh thái văn hóa vô cùng độc đáo. Tour du lịch này chính là bước kế thừa hoàn hảo của tuyến "Du khảo đồng quê" đã được hình thành từ nhiều năm trước, tuy nhiên đã được nâng cấp lên với nhiều điểm du lịch mới kếp hợp cùng du lịch sinh thái, văn hóa tín ngưỡng và nghỉ dưỡng.

Tại những điểm di tích lịch sử mà tour du lịch này đi qua đều là những điểm di tích nổi tiếng có từ lâu đời thu hút rất nhiều sự quan tâm của người dân như: Đền Bà Đế có từ thế kỷ 18 nơi đây thờ Trịnh chúa phu nhân; Đền Gắm một

cổ miếu trong Ngũ linh từ của huyện Tiên Lãng thờ thượng tướng quân Ngô Lý Tín đời Lý; đình Cựu Đôi thờ danh tướng Đào Quang dưới thời Hai Bà Trưng; Từ Đường họ Mạc ở huyện Kiến Thụy – đây là quê hương của Mạc Đăng Dung vị vua đầu tiên của nhà Mạc; chùa Trà Phương với những vết tích còn sót lại từ thời Lý..Và điểm đến cuối cùng mang hơi thở của cuộc sống hiện đại chính là khu du lịch sinh thái Suối nước khoáng nóng Tiên Lãng với nguồn nước khoáng lấy từ độ sâu 850m luôn ở mức 54 độ C, kèm theo nhiều dịch vụ chăm sóc sức khỏe hấp dẫn.

Tuyến Hải Phòng - Vĩnh Bảo, du khách sẽ đ- ợc tham quan cụm di tích: đình Nhân Mục – một ngôi đình cổ có kiến trúc thế kỷ XVII và đ- ợc th- ởng thức nghệ thuật múa rối n- ớc độc đáo ở đây. Thăm Đình Quán Khoái với nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu cho đình làng. Thăm miếu Cựu Điền- một công trình kiến trúc "độc nhất vô nhị" một di tích lịch sử, một danh lam thắng cảnh với đầy đủ hòn non bộ, hồ rộng, hang sâu. Du khách sẽ đ- ợc tham quan làng chạm khắc, tạc t- ợng Bảo Hà, tham quan miếu Bảo Hà nơi l- u giữ nhiều pho t- ợng quý (pho t- ợng Linh Lang Đại V- ơng).

Điểm tham quan Miếu Bảo Hà - Đồng Minh, điểm múa rối n- ớc - đình Nhân Hòa hiện nay đang đ- ợc các khách sạn lớn của Hà Nội và một số công ty lữ hành nh- Mê Kông, Việt tour, Sài gòn tourist, Bến Thành tourist... khai thác khách quốc tế đến xem múa rối n- ớc, rối cạn và tham quan miếu Bảo Hà.

Tuyến Hải Phòng - Thuỷ Nguyên, đ- ợc xây dựng từ năm 2008. Xuất phát từ nội thành đi Thủy Nguyên địa điểm đầu tiên đoàn tham quan là chùa Lâm Động nơi đây thờ Triệu Quang Phục, một vi tướng tài của Lý Nam Đế, tiếp nối công cuộc chống nhà Lương đô hộ. Sau đó du khách sẽ được đi thăm Đình Kiền Bái, có tuổi thọ trên 300 năm; rời Kiền Bái đi xã Chính Mỹ, thăm chùa Mỹ Cụ một ngôi chùa lớn đẹp, tọa lạc trên sườn đồi nhìn ra những cánh đồng bao la bát ngát, thăm hợp tác xã đan song mây xuất khẩu xã Chính Mỹ, dâng hương tại Đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc...và địa điểm cuối cùng trong hành trình là xuống thuyền xuôi dòng sông Giá thơ mộng với hai bên bờ sông ngút ngàn màu xanh của chuối, cau, nhãn trong các trang trại hoặc gia đình, và được nghe ca trù

Đông Môn trên thuyền.

Sở du lịch Hải Phòng ch- a tổ chức xây dựng Tuor này nh- ng đ- ợc các công ty lữ hành khai thác và th- ờng xuyên đ- ợc du khách đến tham quan. Các công ty khai thác hiệu quả hai tuyến du lịch là Công ty TNHH Tân Hồng, TP.Hồ Chí Minh, và Công ty CP Du lịch Hải Phòng. Còn lại chủ yếu là do các đoàn khách tự tổ chức.

Ngoài tổ chức các ch- ơng trình du trên, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Hải Phòng còn kết hợp tổ chức các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hoá ẩm thực, cùng các sự kiện hội nghị hội thảo nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài n- ớc đến với Hải Phòng.

Bên cạnh các di tích lịch sử văn hoá độc đáo, hấp dẫn, Hải Phòng còn có nhiều lễ hội lớn thu hút đ- ợc nhiều du khách thập ph- ơng đến tham dự. Các đơn vị lữ hành của thành phố đã đ- a một số lễ hội tiêu biểu vào các tour du lịch để tổ chức chào bán, giới thiệu và quảng bá cho du lịch lễ hội của Hải Phòng nh- : lễ hội chọi trâu - Đồ Sơn, lễ hội đền Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm –Vĩnh bảo, lễ hội Đua thuyền rồng trên biển Cát Bà, lễ hội Núi Voi...

Lễ hội đ- ợc nhiều du khách đến tham dự là lễ hội đền Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm - Vĩnh Bảo. Khách du lịch đến lễ hội này chủ yếu là khách nội địa bao gồm công chức, học sinh, sinh viên.Du khách đến lễ hội với mong muốn thắp một nén h- ơng t- ởng nhớ cụ Trạng và cầu mong cho sự nghiệp thành công , thi cử đỗ đạt. Ngoài mùa lễ hội thì vào mùa xuân, đầu mùa thi và các kỳ nghỉ hè số l- ợng khách du lịch đến đây tham quan cũng rất đông. Tuy nhiên l- ợng khách du lịch quốc tế đến tham quan không nhiều.

Một lễ hội độc đáo thu hút đ- ợc một l- ợng lớn khách du lịch cả trong và ngoài n- ớc là lễ hội Chọi trâu - Đồ Sơn. Du khách đến Đồ Sơn th- ờng kết hợp du lịch tắm biển, nghỉ d- ỡng và hoà mình vào không khí sôi động của lễ hội Chọi trâu. Lễ hội Chọi trâu - Đồ Sơn đ- ợc đánh giá là một trong 15 lễ hội tiêu biểu nhất của Việt Nam, một lễ hội dân gian độc đáo, đặc sắc của miền biển Hải Phòng.

Các làng nghề thủ công truyền thống của Hải Phòng không chỉ có giá trị về mặt kinh tế mà còn có giá trị khai thác trong hoạt động du lịch. Nhiều mặt hàng

thủ công mỹ nghệ của Hải Phòng với nhiều chủng loại phong phú, đ- ợc chế tác từ nghệ nhân giàu kinh nghiệm cũng b- ớc đầu đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách du lịch khó tính nh- : khách Mỹ, Nhật, Anh, Pháp... Tham quan các làng nghề thủ công truyền thống hiện nay đang đ- ợc các công ty du lịch đ- a vào hoạt động du lịch thu hút đ- ợc khách du lịch trong n- ớc và quốc tế.

Mặt khác, việc đ- a các loại hình nghệ thuật độc đáo vào hoạt động du lịch cũng đ- ợc các công ty khai thác một cách có hiệu quả. Các loại hình nghệ thuật truyền thống đ- ợc đ- a vào các ch- ơng trình du lịch nh- : múa rối cạn – Bảo Hà, múa rối n- ớc - Nhân Hoà, hát Đúm – Thuỷ Nguyên, ca trù Đông Môn...

***Những thành công.**

Nằm trong cái nôi của đồng bằng châu thổ sông Hồng, tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng vừa hội tụ đ- ợc những tinh hoa của dân tộc, lại vừa thể hiện được nét độc đáo của cư dân vùng biển "ăn sóng nói gió", đây là điều kiện thuận lợi để du lịch nhân văn Hải Phòng phát triển.

Những năm qua, Du lịch thành phố đã có bước phát triển khá toàn diện, đã tích cực khai thác và phát huy các lợi thế, tiềm năng du lịch của thành phố. Công tác quản lý nhà nước về du lịch đã đi vào nền nếp, có tiến bộ trong việc quy hoạch phát triển, tuyên truyền, quảng bá - xúc tiến, đào tạo nhân lực du lịch, cơ sở vật chất, hạ tầng du lịch được quan tâm cải tạo, nâng cấp, thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, tham gia đầu tư kinh doanh, làm tăng sức hấp dẫn cho hoạt động du lịch thành phố. Số lượng khách và doanh thu du lịch ngày càng tăng. Tổ chức tốt các lễ hội truyền thống, các hoạt động du lịch lớn, tạo nên nét mới, điểm nhấn trong hoạt động du lịch thành phố. Du lịch nhân văn Hải Phòng đã có b- ớc phát triển mạnh, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của ngành du lịch thành phố. Nhiều điểm di tích lịch sử văn hoá đã đ- ợc đ- a vào khai thác phục vụ du lịch hấp dẫn, thu hút đ- ợc số l- ợng lớn khách du lịch đến tham quan.

Sở Du lịch Hải Phòng đã xây dựng đ- ợc một số tour du lịch nhân văn, b- ớc đầu đ- a vào khai thác phục vụ nhu cầu của khách du lịch nh- tuyến du lịch: Nội thành Hải Phòng - Thuỷ Nguyên, tuyến Du khảo đồng quê, tuyến Đồ Sơn - Kiến

Thuỵ - Tiên Lãng ...Ngoài ra, thành phố rất chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo nguồn tài nguyên du lịch nhân văn để giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và góp phần phát triển du lịch.

***Hạn chế.**

Nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng phần lớn ch- a đ- ợc quan tâm, đầu t- , bảo vệ, tổ chức, khai thác, quản lý một cách có hệ thống và chuyên nghiệp. Chất lượng các dịch vụ du lịch, đầu tư phát triển du lịch còn nhiều hạn chế, chưa quan tâm đầy đủ đến bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chất lượng thấp; lao động du lịch thiếu tính chuyên nghiệp. Xã hội hóa hoạt động du lịch, sức cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch còn yếu.

Các tài nguyên du lịch nhân văn đ- ợc đ- a vào ch- ơng trình du lịch chủ yếu mang tính tự phát. Ngay chính các địa ph- ơng và ngành văn hoá du lịch cũng ch- a coi trọng việc đầu t- phối hợp với các doanh nghiệp du lịch để tôn tạo, trùng tu và đ- a vào khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên này, từ đó tăng số l- ợng du khách đến các điểm du lịch nhân văn. Việc khai thác các tiềm năng này thiếu sự gắn kết với các hoạt động du lịch khác của thành phố, với các ch- ơng trình du lịch đã đ- ợc, thiết kế, chào bán và tổ chức.

Tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng khá đa dạng. Tuy nhiên, Hải Phòng chỉ mới khai thác một phần nhỏ để phục vụ du lịch, các điểm tham quan chủ yếu tập chung ở một số điểm nội thành và các vùng phụ cận, trong khi phần lớn các di tích ch- a đ- ợc xếp hạng nh- ng ch- a đ- ợc khoanh vùng bảo vệ và khai thác phát triển du lịch,nhiều di tích bị xuống cấp nghiêm trọng. Phần lớn tài nguyên du lịch nhân văn ở Hải Phòng khai thác để phục vụ du lịch mới chỉ ở mức sơ khai, ch- a chuyên sâu và ch- a có một bản quy hoạch tổng cụ thể nào.

Các di tích đ- ợc khai thác phục vụ hoạt động du lịch còn qúa ít, rất nhiều điểm di tích đặc sắc nh- ng ch- a đ- ợc khai thác cho du lịch nh- : tháp T- ờng Long (Đồ Sơn), di chỉ Cái Bèo (Cát Bà), di chỉ Tràng Kênh (Thuỷ

Nguyên)...phần lớn do cơ sở hạ tầng thấp kém, giao thông không thuận lợi. Mặt khác,các di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng. Tuy có nhiều biện pháp tôn tạo bảo vệ nh- ng việc trùng tu, tôn tạo ở một số đình, chùa lại không đảm bảo tính chân thực của lịch sử cũng nh- phong cách kiến trúc cổ làm mất đi giá trị lịch sử văn hoá và kiến trúc của nó. Một số làng nghề truyền thống chưa có một quy hoạch phát triển và bảo tồn thích hợp, chưa có những chính sách đối với những nghệ nhân làng nghề, chưa khai thác để cung cấp thêm sản phẩm cho du lịch thành phố.

Các sự kiện văn hóa, du lịch nội dung chưa thường xuyên được làm mới, sáng tạo và gắn kết, thúc đẩy lẫn nhau, chưa có kế hoạch dài hạn quảng bá cho các sự kiện này. Vì vậy, mức độ thu hút sự quan tâm của du khách, của các phương tiện truyền thông chưa cao dẫn đến hiệu quả tổ chức sự kiện du lịch hạn chế. Nhiều lễ hội dân gian trên địa bàn thành phố có tính độc đáo, mang bản sắc văn hóa riêng, có sức hút du khách nhưng chưa được tập trung quảng bá tốt nên các lễ hội này (kể cả lễ hội Chọi trâu Đồ Sơn) chưa đạt hiệu quả xứng tầm.

***Nguyên nhân.**

Qua thực trạng phát triển du lịch nhân văn ở Hải Phòng có thể thấy đ- ợc hoạt động phát triển này ch- a t- ơng xứng với tiềm năng, các sản phẩm du lịch nhân văn ch- a đ- ợc khai thác có hiệu quả là do các nguyên nhân sau:

Nhận thức về phát triển du lịch của các cấp, các ngành chưa thật đầy đủ; thiếu cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển và giải pháp mang tính đột phá cho phát triển du lịch; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương hạn chế; chưa làm tốt công tác phối hợp phát huy sức mạnh của các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế và các địa phương trong phát triển du lịch nhân văn.

Việc phối hợp, liên kết giữa các ngành, các cấp và các thành phần tham gia vào hoạt động du lịch còn thiếu đồng bộ, chặt chẽ đặc biệt là việc bảo vệ tài nguyên du lịch và quảng bá du lịch.

Quá trình phê duyệt các dự án của thành phố còn chậm, nhiều dự án nâng cấp, xây dựng các điểm du lịch văn hoá ch- a đ- ợc phê duyệt chủ yếu là do thiếu kinh nguồn phí.

Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng tại một số điểm du lịch nhân văn ch- a

đ- ợc đầu t- , chất l- ợng kém không đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách du lịch đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

Nguồn vốn đầu t- cho phát triển du lịch nhân văn còn hạn chế chủ yếu là trích từ nguồn vốn ngân sách của nhà n- ớc. Ch- a thu hút đ- ợc nguồn vốn từ n- ớc ngoài vào việc khai thác phát triển du lịch nhân văn.

Hải Phòng ch- a xây dựng đ- ợc các doanh nghiệp lữ hành đủ mạnh để phát triển du lịch, khách du lịch đến Hải Phòng đặc biệt là khách du lịch quốc tế chủ yếu là khách nối tour từ Hà Nội, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh...

Sự tham gia hưởng ứng của một số doanh nghiệp du lịch còn hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh tự quảng bá – xúc tiến. Các điểm tham quan, du lịch trên đều ch- a có thuyết minh viên tại chỗ.

Chưa xây dựng được thương hiệu mạnh, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Chậm hình thành các tuyến du lịch mới, các tuyến du lịch liên thông với các địa phương trong vùng, với quốc tế. Công tác lập quy hoạch phát triển du lịch còn chậm, quản lý quy hoạch còn yếu. Thiếu doanh nghiệp du lịch lớn, có thương hiệu tầm khu vực, quốc tế, có năng lực cạnh tranh, có ảnh hưởng lớn trong vùng; đa số doanh nghiệp nhỏ bé, thiếu tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản lý kinh doanh; doanh nghiệp lữ hành chưa mạnh, năng lực cạnh tranh yếu. Đầu tư phát triển du lịch còn hạn chế, chưa có nhiều những dự án đầu tư lớn, tạo sản phẩm du lịch có sức hấp dẫn mạnh. Việc quản lý các dự án đầu tư phát triển du lịch thiếu chặt chẽ, từ khâu thẩm định dự án, đánh giá tiềm lực của chủ đầu tư, cũng như trong quá trình thực hiện dự án; phần lớn các dự án đầu tư phát triển du lịch triển khai chậm.

Kinh phí dành cho quảng bá - xúc tiến du lịch quá hạn hẹp, nên việc xây dựng các chương trình xúc tiến du lịch ra thị trường nước ngoài rất khó khăn. Nhận thức về vai trò quảng bá - xúc tiến du lịch còn chưa đầy đủ, còn lẫn với quảng cáo. Không có các festival tạo điểm nhấn cho phát triển du lịch như một số địa phương khác. Kết cấu hạ tầng du lịch còn yếu, thiếu đồng bộ, chưa đủ điều kiện đăng cai tổ chức các hội nghị, sự kiện và hoạt động du lịch lớn cấp

quốc gia, quốc tế, thiếu cơ sở l- u trú cao cấp, vẫn chưa có khách sạn 5 sao. Các dịch vụ bổ trợ cho hoạt động du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí còn nghèo nàn, thiếu sức hấp dẫn; còn ít những khu vui chơi giải trí tổng hợp, cao cấp hiện đại. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về phát triển du lịch ở mức thấp, chưa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn cũng như ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế thành phố.

CHƯƠNG3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM KHAI THÁC HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TẠI HẢI PHÒNG

3.1. Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian tới.

Theo Nghị quyết phát triển du lịch Hải Phòng định hướng đến năm 2020. Hội đồng nhân dân thành phố, Uỷ ban nhân dân thành phố đề ra ph- ơng h- ớng phát triển du lịch trong thời gian tới nhấn mạnh một số vấn đề sau:

Mục tiêu phát triển du lịch: Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của thành phố, nhất là về cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, đảm bảo môi trường sinh thái, đa dạng các loại hình và sản phẩm du lịch, thu hút đầu tư, tăng nhanh tỷ trọng du lịch trong tổng GDP của thành phố; tạo việc làm, nâng cao dân trí; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và đặc thù văn hoá địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, ngành và toàn dân phát triển du lịch, góp phần thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HĐH.

Nhiệm vụ:

Tập trung chỉ đạo hoàn thành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố, phù hợp với Quy hoạch Tổng thể quốc gia về du lịch. Năm 2007 - 2008, hoàn thành Quy hoạch chi tiết phát triển du lịch Cát Bà, Đồ Sơn - lưu vực sông Đa Độ; công viên rừng Thiên Văn Núi Voi, hồ Sông Giá, di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Dương kinh nhà Mạc, Tháp Tường Long, triển khai quy hoạch phát triển du lịch nội thành. Quy hoạch chi tiết các khu, điểm dịch vụ, hệ thống cửa hàng mua sắm phục vụ du khách; mời các tổ chức tư vấn trong, ngoài nước có năng lực xây dựng quy hoạch, thiết kế các khu du lịch.

Chuẩn bị tốt các dự án đề xuất với Trung ương đầu tư một số cơ cở hạ tầng du lịch quy mô lớn; bố trí vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng có mục tiêu của Trung ương theo đúng quy hoạch của ngành Du lịch đã phê duyệt; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, khai thác có hiệu quả nguồn vốn đầu tư; hàng năm thành phố ưu tiên bố trí vốn ngân sách để lập quy hoạch chi tiết và chuẩn bị đầu tư cho các dự án du

lịch, kết hợp đầu tư, tôn tạo phục dựng các di tích lịch sử, công trình văn hoá, đầu tư đồng bộ về đường, điện, cấp thoát nước, thoát và xử lý nước thải trong các khu du lịch; dành quỹ đất hợp lý cho khuôn viên cây xanh, đường nội bộ, bãi đỗ xe, vệ sinh công cộng ở các trọng điểm du lịch. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá để tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch.

Triển khai đề án xây dựng cảng du lịch nội địa và quốc tế; xây dựng cầu cảng du lịch tại đảo Dáu; phối hợp tốt với các bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ đầu tư nâng cấp sân bay Cát Bi theo tiêu chuẩn quốc tế; đưa vào sử dụng Dự án Trường Trung học Cao đẳng du lịch Hải Phòng và Trung tâm hỗ trợ giới thiệu sản phẩm làng nghề - quảng bá và xúc tiến du lịch.

Phát triển thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế, nhất là Trung Quốc, các nước Đông Nam á, mở rộng thị trường du lịch Đông á - Thái Bình Dương, Tây Âu, Bắc Mỹ; Nhật Bản, Hàn Quốc và phấn đấu vươn tới thị trường Nga, Đông Âu, Bắc Âu, úc, Niu-di-lân...

Lựa chọn loại hình du lịch chủ yếu nhằm phát huy có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn và những lợi thế của thành phố như:

- Du lịch sinh thái biển kết hợp nghỉ dưỡng, thể thao, hội thảo, hội nghị và du lịch mạo hiểm.

- Du lịch lễ hội, thăm các di tích lịch sử, văn hoá, khảo cứu văn hoá truyền thống, đặc thù địa phương;

- Du lịch điền dã, khảo cứu văn hoá làng xã, thưởng ngoạn miệt vườn ven sông.

- Du lịch văn hoá ẩm thực, mua sắm.

- Du lịch tâm linh.

Hình thành tour du lịch phù hợp, hấp dẫn, chất lượng cao; các điểm vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, thể thao; các loại hình dịch vụ đặc sắc tại các trọng điểm du lịch; nghiên cứu, sản xuất hàng lưu niệm đặc trưng của Hải Phòng; tổ chức tốt việc giới thiệu, dịch vụ hàng lưu niệm cho khách.

Đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, chú trọng lao động quản lý hoạt động kinh doanh.

Xây dựng thương hiệu du lịch Hải Phòng đủ sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế. Tăng cường quản lý, bảo tồn, quảng bá. Phấn đấu mỗi ngành, địa phương đều có sản phẩm, dịch vụ du lịch chất lượng cao; chú trọng các sản phẩm du lịch đặc sắc của Hải Phòng

Từng bước xây dựng Hải Phòng thành trung tâm đón nhận và phân phối khách quốc tế, đào tạo nhân lực du lịch, quảng bá xúc tiến du lịch. Phấn đấu đến năm 2020, tầm nhìn 2030(Quyết định 1448/2009/QĐ-TTg, ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ), du lịch Hải Phòng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, là động lực đẩy nhanh tiến trình xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch của vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Mục tiêu: Từng bước xây dựng Hải Phòng trở thành một trong những cửa ngõ đón khách quốc tế, trung tâm du lịch của vùng Duyên hải Bắc Bộ. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Trước mắt, tập trung xây dựng Cát Bà, Đồ Sơn, Kiến Thụy, Thuỷ Nguyên thành trung tâm du lịch cấp quốc gia.

- Mục tiêu kinh tế:

+ Phấn đấu năm 2015 thu hút 1,3 - 1,5 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ 4,5 - 4,7 triệu lượt khách du lịch nội địa. Doanh thu du lịch đạt khoảng 2.000 tỷ đồng. Sẽ có 12.000 phòng lưu trú du lịch và các công trình đồng bộ phục vụ du lịch.

+ Phấn đấu năm 2020 thu hút 2,0- 2,2 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ 5,8 - 6,0 triệu lượt khách du lịch nội địa. Doanh thu du lịch đạt khoảng 3.000 tỷ đồng. Sẽ có 17.000 phòng l- u trú du lịch và các công trình đồng bộ phục vụ du lịch.

- Mục tiêu xã hội:

+ Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, di tích lịch sử của thành phố. Vì vậy, phải gắn chặt chẽ văn hoá, lịch sử vào du

lịch, lấy văn hoá, lịch sử để thúc đẩy du lịch, lấy du lịch để quảng bá văn hóa, lịch sử.

+ Phát triển du lịch nhằm tạo thêm việc làm cho xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo. Phấn đấu đến năm 2015 tạo 50 nghìn việc làm, năm 2020 tạo 80 nghìn việc làm, năm 2030 tạo 150 nghìn việc làm.

+ Phát triển du lịch nhằm góp phần phát triển thể chất, nâng cao dân trí và đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, tăng cường đoàn kết, hữu nghị, tinh thần tự tôn dân tộc; khai thác và quảng bá những truyền thống văn hóa dân tộc; mọi thành phần xã hội đều có cơ hội bình đẳng thụ hưởng những giá trị tinh hoa thông qua hoạt động du lịch.

- Mục tiêu môi trường:

+ Phát triển du lịch ''xanh'' gắn hoạt động du lịch với gìn giữ và phát huy các giá trị tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Đảm bảo môi trường du lịch là yếu tố hấp dẫn du lịch, đảm bảo chất lượng và giá trị thương hiệu du lịch.

Với mục tiêu trên, ph- ơng h- ớng phát triển du lịch Hải Phòng đến năm 2020 là đ- a Hải Phòng trở thành một trọng điểm du lịch của quốc gia trong đó có các khu du lịch mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế nh- Cát Bà, Đồ Sơn, phấn đấu sớm đạt kế hoạch so với lộ trình chung của cả n- ớc,xứng đáng là địa bàn mang tính động lực thúc đẩy sự phát triển du lịch của vùng Bắc Bộ và cả n- ớc.

Chỉ tiêu phát triển du lịch Hải phòng giai đoạn 2010-2020.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm		
		2010	2015	2020
1.Tổng l- ợng khách	1000LK	4.250	4.600	6.000
- Khách quốc tế	1000LK	1.120	1.700	2.400
- Khách nội địa	1000LK	3.130	2.900	3.600
2.Tổng doanh thu	triệu USD	527,5	1.186,5	2.364,0
3. Lao động trực tiếp	ng- ời	21,76	33,60	52,90
4. Vốn đầu t- du lịch	triệu USD	976,5	1.552,9	2.801,6
5.GDP ngành/GDP TP	%	9,2	12,8	17,9

(Nguồn: Viện nghiên cứu phát triển du lịch.)

3.2. Một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng.

3.2.1. Đầu tư, tôn tạo, bảo tồn các tài nguyên du lịch nhân văn vốn có của Hải Phòng.

Đầu tư tôn tạo và bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch nhân văn đối với thành phố Hải Phòng là một việc làm quan trọng và cấp thiết. Muốn làm được việc này cần có sự hỗ trợ của các Bộ, ban ngành trung ương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành thành phố, các địa phương có nguồn tài nguyên và cộng đồng dân cư địa phương .

Phối hợp nhiều nguồn lực (Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng...) đầu tư thoả đáng để bảo tồn, tôn tạo các tài nguyên du lịch nhân văn chủ yếu phục vụ hoạt động phát triển du lịch văn hoá của thành phố. Ngoài ra có thể kêu gọi tài trợ của các cá nhân và doanh nghiệp lớn trong cả nước. Đây là cách là phổ biến của các địa phương, nó tạo ra nguồn nhân lực tài chính chủ yếu cho các sự kiện văn hoá du lịch. Đối với các di tích lịch sử, lễ hội có thể khai thác một phần kinh phí từ việc bán vé vào việc tôn tạo, bảo tồn các giá trị văn hoá.

Duy trì, phát triển bảo tồn các di tích lịch sử, các lễ hội dân gian, các làng nghề truyền thống khôi phục các trò chơi dân gian để phục vụ hoạt động du lịch. Đối với các làng nghề cần có sự đầu tư thích đáng, có biện pháp quy hoạch, phát triển một cách hợp lý để đây thực sự trở thành điểm tham quan du lịch hấp dẫn, đặc trưng của thành phố. Thành lập các câu lạc bộ nghệ nhân, ngoài việc phục vụ lễ hội có thể sản xuất phục vụ khách du lịch theo tour. Hỗ trợ trong việc phổ biến cho người dân biết cách làm du lịch, biết cách ứng xử với khách quốc tế khi họ đến tham quan.

Các loại hình nghệ thuật truyền thống của Hải Phòng nh- múa rối n-ớc, múa rối cạn, hát Đúm...có sức hấp dẫn đối với khách du lịch nh-ng hiện nay đang bị mai một dần, chủ yếu chỉ đ-ợc biểu diễn trong những ngày diễn ra hội. Khách du lịch theo tuor rất thích xem các loại hình nghệ thuật này. Các địa ph-ơng có thể thành lập các đội văn nghệ biểu diễn đáp ứng nhu cầu của du khách.

Lễ hội Chọi trâu là lễ hội đặc sắc và độc đáo của Hải Phòng, các ph- ờng có trâu chọi ở Đồ Sơn có thể nuôi một số cặp trâu, thành lập các đội múa cờ, đội trống đ- a vào tour du lịch, chon thời gian và địa điểm phù hợp có thể một tháng tổ chức một lần để bán cho du khách nhằm chế biến lễ hội này trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn giúp cho du khách có thể cảm nhận đ- ợc một phần nào nét văn hoá của lễ hội này.

Bên cạnh việc phục chế, tôn tạo lại các di tích lịch sử văn hoá đã bị tàn phai do chiến tranh, hoặc do năm tháng mà người ta đã sao nhãng bỏ quên nó. Đồng thời phải thường xuyên xây dựng lại cảnh quan môi trường các khu di tích, hoàn thiện quy hoạch lại tổng thể các khu di tích. Một trong những vấn đề liên quan đến di tích lịch sử văn hoá là tính hoài cổ. Nhưng việc tôn tạo trùng tu phải đảo bảo giữ nguyên giá trị lịch sử cũng như kiến trúc của các tài nguyên nhân văn. Khi tới thăm một nền văn hoá, một di tích lịch sử du khách thường liên tưởng tới tổ tiên mình.

Để việc đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá đạt được hiệu quả cao nhất thì vấn đề đầu tiên cần phải quan tâm là vấn đề lựa chọn, đào tạo những người trực tiếp làm công tác bảo tồn, tôn tạo bởi vì chỉ khi những cán bộ này thực sự hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của công việc họ đang làm, có kiến thức đầy đủ về chuyên môn thì công việc bảo tồn, tôn tạo mới đạt hiệu quả. Nếu công tác đào tạo cán bộ không được thực hiện tốt thì cho dù có đầy đủ vốn đầu tư thì hiệu quả đầu tư vẫn không cao. Thực hiện xã hội hoá trong việc đầu tư, bảo vệ, tôn tạo các di tích, cảnh quan môi trường, các lễ hội, hoạt động văn hoá dân gian, các làng nghề phục vụ phát triển du lịch.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả quản lý, nhà nước trong hoạt động du lịch và hợp tác liên kết phát triển du lịch.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà n- ớc trong việc kiểm tra h- ớng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đặc biệt trong khâu dịch vụ phục vụ khách đảm bảo đáp ứng đ- ợc nhu cầu tối thiểu của du khách. Cần có các biện pháp ngăn chặn và xử lý các hiện t- ợng bán hàng không đúng quy định, chèo kéo, bắt chẹt khách...tại các điểm tham quan du lịch gây ấn t- ợng không tốt đối với du khách.

Sự hợp tác, liên kết giữa các cơ quan chức năng trong việc phát triển du lịch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá đạt hiệu quả cao hơn, trong đó đặc biệt chú trọng tới sự liên kết giữa các địa ph- ơng có tài nguyên du lịch với các công ty lữ hành trong việc xây dựng, phát triển các tour du lịch văn hoá. Qua đó các doanh nghiệp lữ hành có thể có sự hiểu biết về các nội dung nh- thời gian diễn ra các sự kiện văn hoá, các lễ hội, nội dung và nghi thức tiến hành...từ đó khảo sát, đánh giá đ- ợc chất l- ợng và hiệu quả, khả năng và điều kiện đảm bảo của hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch tại điểm tham quan để có kế hoạch xây dựng các tour du lịch với thời gian và chu trình phù hợp với các đối t- ợng khách khác nhau.

3.2.3. Nâng cao nhận thức của các cấp, ngành về vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng đối với việc phát triển du lịch.

Về nhận thức: phải nhận thức đúng vị trí, vai trò của ngành kinh tế du lịch trong cơ cấu kinh tế của thành phố, vì vậy mới tập trung được sức mạnh tổng hợp, toàn diện và hành động cụ thể. Đổi mới, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, tác phong phục vụ của đội ngũ lao động (quản lý, tác nghiệp). Tăng cường tính liên kết của Hải Phòng với các địa phương phụ cận, đặc biệt với Hà Nội và Quảng Ninh trong hoạt động du lịch.

Nâng cao chất lượng cán bộ, củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch của thành phố nhất là các địa phương trọng điểm du lịch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển du lịch trong tình hình mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch, các hoạt động dịch vụ du lịch; gắn phát triển du lịch với đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Phát huy vai trò của Hiệp hội Du lịch và các tổ chức xã hội góp phần đẩy mạnh hoạt động kinh doanh du lịch.

Nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đặc biệt hệ thống khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên, các dịch vụ về vui chơi giải trí, chữa bệnh...Chú trọng phát triển hình ảnh và các sản phẩm du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch biển đặc thù, tăng cường hoạt động marketing, xúc tiến quảng bá du lịch so

với yêu cầu phát triển. Nâng cao nhận thức của các cấp ban ngành trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch. Tránh tình trạng "chồng chéo" trong quản lý.

3.2.4. Khuyến khích, ưu tiên doanh nghiệp lữ hành, khai thác triệt để, bền vững tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng đối với việc phát triển du lịch.

Nhà nước có cơ chế, chính sách huy động mọi nguồn lực, tăng đầu tư phát triển du lịch để bảo đảm du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực.

Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác quy hoạch; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị du lịch, khu du lịch, điểm du lịch; hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch và môi trường du lịch, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư tham gia hoạt động du lịch, mở rộng giao lưu hợp tác giữa du lịch Việt Nam với du lịch khu vực và quốc tế.Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện hình thành quỹ hỗ trợ phát triển du lịch từ nguồn đóng góp của các chủ thể hưởng lợi từ hoạt động du lịch, nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3.2.5. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực du lịch.

Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, đặc biệt là hướng dẫn viên điểm tại các di tích lịch sử theo đúng nghĩa của nó là người hướng dẫn viên có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá, lịch sử và hiểu sâu sắc về di tích lịch sử văn hóa. Hướng dẫn viên hơn ai hết là người thể hiện rõ nét nhất văn hoá của quê hương, của dân tộc mình. Họ phải được trang bị kiến thức đầy đủ trong các lĩnh vực mỹ thuật, sâu khấu, lịch sử, kiến trúc phong tục tập quán, tôn giáo. Hướng dẫn viên du lịch cần được đào tạo theo hướng chuyên môn hoá để có

kiến thức sâu rộng, phục vụ theo các yêu cầu tiêu dùng du lịch của con người với các đặc điểm tâm lý xã hội khác nhau.

Cái khó trong du lịch tham quan tìm hiểu về các di tích lịch sử văn hoá là làm thế nào xác định được cái gì thừa, cái gì để bán "Bởi vì di tích lịch sử, di sản văn hoá không đ- ợc coi là hàng để bán mặc dầu có bán". Kết tinh trong nó là toàn bộ giá trị văn hoá - yếu tố bất biến. Vậy điểm quan trọng để cho du khách hiểu được giá trị cũng như ý nghĩa về lịch sử các di tích đó. Thông thường du khách khó có thể chấp nhận hoặc không thể hiểu được cách giải thích trìu tượng, phức tạp tại các di tích lịch sử văn hoá cho nên một cách diễn đạt đơn giản, xúc tích là rất cần thiết.

Hầu hết tại các di tích lịch sử trên địa bàn Hải Phòng đều không có hướng dẫn viên điểm. Trong khi đó ở các tỉnh khác các điểm di tích lịch sử thường có hướng dẫn viên điểm. Vì vậy cần nhanh chóng thành lập các ban hướng dẫn điểm tại các di tích lịch sử.

Đẩy mạnh việc đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên làm việc trong ngành Du lịch một cách đồng bộ từ các hộ quản lý kinh doanh, xúc tiến, thuyết minh viên, hướng dẫn viên, nhân viên chạy bàn, buồng phòng, đầu bếp... chuyên sâu về chuyên môn, biết ngoại ngữ để giao tiếp, có phong cách ứng xử khéo léo; củng cố và tăng cường bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, tuyển chọn và gửi đào tạo trong nước và nước ngoài đối với cán bộ đủ tiêu chuẩn, trình độ. Khuyến khích các doanh nghiệp tự đào tạo, tranh thủ các nguồn kinh phí đào tạo quốc gia và quốc tế.

Hỗ trợ các cơ sở đào tạo đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, áp dụng công nghệ tiên tiến phục vụ tốt nhiệm vụ đào tạo. Phối hợp, liên kết mở lớp đào tạo để có đủ hướng dẫn viên, thuyết minh viên giỏi nghề, yêu nghiệp, hiểu biết sâu rộng về lịch sử, văn hoá, thiên nhiên và xã hội của địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế. Xây dựng các cơ chế ưu đãi hấp dẫn nhằm tìm kiếm, thu hút nhân tài để phục vụ du lịch địa phương. Đặc biệt quan tâm đến các đối tượng đã qua đào tạo chuyên ngành du lịch tại các quốc gia có du lịch phát triển.

3.2.6. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền ,quảng bá và xúc tiến du lịch.

Việt Nam là một nước chưa được biết nhiều trên thế giới, ngành du lịch Việt Nam còn non trẻ, mới phát triển vì vậy mà du lịch nhân văn ở nước ta chưa được khách du lịch quốc tế tham gia nhiều. Trước thực tế đó ngành du lịch Việt Nam nói chung và các công ty du lịch cần tuyên truyền sâu rộng mạnh mẽ trên thị trường quốc tế về Việt Nam. Chúng ta phải quảng cáo thật đúng, thật hay về các di tích lịch sử, văn hoá đó. Quảng cáo trong kinh doanh du lịch văn hoá phải trở thành hoạt động tất yếu, tuyên truyền quảng cáo cần nhiều phí nhưng chúng ta phải thấy rằng đó là những chi phí cần thiết và chi phí quảng cáo sẽ tỷ lệ với lợi nhuận thu được.

Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài, trang thông tin điện tử; thông qua các hội chợ, triển lãm, tổ chức các sự kiện có tính chuyên nghiệp cao, liên hoan du lịch, lễ hội... Tăng cường tham khảo, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp quản lý phát triển du lịch, cách làm quảng bá - xúc tiến với một số tỉnh, thành phố trong nước mạnh về du lịch, đặc biệt chú trọng tham gia tích cực các hoạt động xúc tiến giao lưu phát triển du lịch trong khuôn khổ tổ chức xúc tiến du lịch của các thành phố Châu Á - Thái Bình Dương mà Hải Phòng là thành viên.

Mở rộng hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch, nhất là hướng dẫn viên, thuyết minh viên. Phối hợp tổ chức các sự kiện văn hoá - du lịch, các hội chợ - triển lãm du lịch luân phiên tại mỗi địa phương.

Mở rộng và phát huy triệt để các mối quan hệ hợp tác song phương và đa phương nhằm tăng cờng xúc tiến và quảng bá, thu hút khách, thu hút đầu t- nâng tầm vị thế, hình ảnh du lịch Hải Phòng đối với cả nước và khu vực.

- Xây dựng và tổ chức nghiên cứu thị trường và điều tra thông tin du khách.

- Tăng cường liên kết, hợp tác, đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến ra thị trường nước ngoài, tập trung ở thị trường truyền thống, trọng điểm, thị trường mới có tiềm năng. Tổ chức mỗi năm 2 đợt khảo sát, nghiên cứu thị trường nội địa và một đợt ra thị trường nước ngoài.

- Khắc phục tình trạng mùa vụ của du lịch, thu hút khách bằng các sự kiện

văn hóa, du lịch tầm cỡ kèm theo các chương trình khuyến mãi, kích cầu,... Tổ chức các sự kiện văn hoá du lịch mang tính thường kỳ để tạo thói quen với du khách trong nước và quốc tế. Nghiên cứu giảm giá các dịch vụ du lịch vào mùa đông, giữ giá ổn định vào mùa hè.

- Tổ chức đón các đoàn fam trip, press trip, tổ chức xúc tiến nhân sự kiện quốc tế lớn tại Việt Nam. Phối hợp với hàng không, phát những clip quảng cáo về chương trình, tuyến điểm du lịch trên các chuyến bay nội địa và quốc tế.

- Xây dựng thương hiệu cho Du lịch Hải Phòng với logo và slogan hấp dẫn để marketing cho giai đoạn phát triển tới đây của ngành.

- Tập trung vào thị trường gần như Trung Quốc và Châu Á và cần có các biện pháp mạnh như tập trung cao độ vào các chương trình xúc tiến, quảng bá.

- Công tác quảng bá xúc tiến là phải nhà nước làm, bởi công tác này không chỉ là vì mục đích kinh doanh và để tuyên truyền hình ảnh của thành phố, nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá khác. Các doanh nghiệp đứng ra tổ chức thì không có tầm, không có điều kiện, đặc biệt khi tiếp xúc, giao lưu quốc tế phải là bộ mặt của cơ quan nhà nước. Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch định hướng cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp, đại diện là Hiệp hội Du lịch và cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch phải phối hợp chặt chẽ, phân định vai trò của mỗi bên trong việc tổ chức các chương trình xúc tiến.

3.2.7. Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch.

Cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm tham quan du lịch có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển du lịch đặc biệt là du lịch nhân văn. Khách du lịch đặc biệt là khách du lịch quốc tế rất thích giao lưu, tìm hiểu đời sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng, sinh hoạt văn hoá tinh thần ...của cộng đồng dân cư nơi đến du lịch.

Tăng cường giáo dục cho mọi tầng lớp trong nhân dân, đặc biệt là nhân dân trong khu vực có di tích lịch sử văn hóa nhận thức đúng giá trị, ý nghĩa quan trọng về giữ gìn các giá trị truyền thống dân tộc, các giá trị cả về vất chất và tinh thần của di tích để từ đó nâng cao lòng yêu nước, nâng cao tinh thần tự giác bảo

vệ các giá trị của di tích.

Những người dân địa phương vùng nông thôn làm du lịch thường thiếu thông tin và những mong muốn đòi hỏi của khách. Đa số họ còn ít hiểu biết về các hoạt động du lịch, về thị trường và nhu cầu của khách du lịch. Do vậy, nên có sự hỗ trợ, tuyên truyền giáo dục của chính quyền địa phương, uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã có điểm du lịch. Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hoá nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống; sản xuất hàng hoá của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

Du khách rất thích tham gia vào cuộc sống của những người dân, họ đến, cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc, tham gia sinh hoạt văn hoá cùng người dân bản địa đặc biệt tại các làng nghề truyền thống, các lễ hội, lễ tết, những năm gần đây có nhiều khách du lịch nước ngoài thích đến Việt Nam.

Tổ chức các làng nghề sản xuất thủ công, hàng lưu niệm, các câu lạc bộ văn hoá văn nghệ dân gian phục vụ hoạt động du lịch là một biện pháp để phát huy được các giá trị văn hoá truyền thống của Hải Phòng

Do nhận thức của cán bộ và người dân về du lịch cộng đồng chưa cao cần xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng để thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động kinh doanh du lịch tránh tình trạng chèo kéo khách. Cụ thể là có các chính sách hỗ trợ người dân vào việc xây dựng các nhà trọ, nhà nghỉ theo mô hình truyền thống một cách hợp lý để họ có thể đón tiếp phục vụ khách du lịch ngay tại nhà.

3.3. Một số kiến nghị.

3.3.1. Đối với bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch và các bộ ngành trung ương.

Đề nghị Chính phủ, Bộ kế hoạch đầu tư và Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch cần có những chính sách quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch và các dự án du lịch lớn để khai thác, bảo tồn có hiệu quả hơn nữa nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố. Tr- ớc mắt cần chú trọng vào các dự án cụ thể nh- : dự án trung tâm hỗ trợ giới thiệu các sản phẩm làng nghề và quảng bá du

lịch; - u tiên cấp vốn cho dự án xây dựng tr- ờng Cao đẳng nghiệp vụ du lịch Hải Phòng để thành phố sớm có trung tâm đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho thành phố và các tỉnh vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xem xét và xác định để đ- a một số lễ hội lớn của Hải Phòng thành lễ hội mang tầm cỡ quốc gia (lễ hội Chọi trâu, lễ hội đền Trạng Nguyễn Bỉnh Khiêm...), điểm di tích lịch sử văn hoá, làng nghề truyền thống ... để khai thác, quảng bá phục vụ hoạt động du lịch .

Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xây dựng chương trình hành động cụ thể, quyết tâm tháo gỡ khó khăn, tạo chuyển biến cho du lịch Hải Phòng phát triển bền vững trong những năm tới, đặc biệt là Năm du lịch Quốc gia khu vực Đồng bằng sông Hồng – Hải Phòng 2013.

Đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch sớm có các văn bản h- ớng dẫn việc thực hiện Luật Du lịch để tạo hành lang pháp lý cho các danh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả cao và đúng Pháp luật.

3.3.2. Đối với thành phố Hải Phòng.

Đề nghị thành phố nghiên cứu, đăng cai lễ hội mang tính quốc tế để tăng cường quảng bá cho du lịch Hải Phòng, quyết tâm hơn nữa trong triển khai xây dựng bến tàu khách quốc tế, cảng hàng không quốc tế.

Uỷ ban nhân dân Thành Phố Hải Phòng nên đầu tư, đưa ra các dự án để khai thác nguồn tài nguyên du lịch. Đồng thời phải kêu gọi, khuyến khích các nhà đầu tư vào việc khai thác các nguồn tài nguyên, biến chúng thành các sản phẩm để phục vụ loại hình du lịch nhân văn.

Thành phố sớm có kế hoạch khôi phục các làng nghề truyền thống và công nhận ‘‘Nghệ nhân” của làng nghề để giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, hỗ trợ phát triển du lịch. Giải quyết triệt để việc chèo kéo khách, vấn đề rác thải, vệ sinh môi tr- ờng, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan...tại các điểm du lịch.

Các cơ quan quản lý nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép kinh doanh cho các doanh nghiệp, các hộ dân kinh doanh buôn bán trong khu di tích. Đồng thời, cũng phải khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân đầu tư kinh doanh các loại hình dịch vụ phục vụ cho hoạt động du lịch của di tích.

3.3.2. Đối với các ban ngành địa phương.

Các ban ngành địa ph- ơng cần có sự phối hợp chẹt chẽ với thành phố và Sở Du lịch trong việc bảo tồn, khai thác các tài nguyên nhân văn phục vụ du lịch.

Bên cạnh đó các địa ph- ơng cần chủ động trong việc quy hoạch, xây dựng các điểm du lịch văn hoá, có biện pháp bảo tồn và phát triển các loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống. Sự hỗ trợ của các Ban, Ngành thành phố và địa ph- ơng là rất cần thiết để tổ chức các tour du lịch nhân văn.

Cần có sự liên kết giữa các đơn vị lữ hành với chính quyền và nhân dân địa ph- ơng nơi có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn để đảm bảo sự phối hợp trong việc tiếp đón, phục vụ khách. Sự liên kết này phải đ- ợc sử dụng trên sự thiện chí , thoả thuận giữa các bên, mà ở đó lợi ích, trách nhiệm, quyền hạn của doanh nghiệp du lịch, c- dân địa ph- ơng phải đảm bảo công bằng và theo một quy trình cụ thể thì hoạt động khai thác nguồn tài nguyên du lịch nhân văn mới thực sự thành công.

KẾT LUẬN

Ngày nay du lịch đã trở thành một nhu cầu, hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Một đất nước có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú. Ba phần tư lãnh thổ đất nước là đồi núi với nhiều cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, những cánh rừng nhiệt đới, trên 3.000km bờ biển và những hệ thống sông hồ tạo nên các bức tranh thủy mặc sinh động. . .Năm mươi tư dân tộc anh em cùng sinh sống trên một vùng lãnh thổ, trải qua nhiều đời, mỗi dân tộc hình thành nên những vùng văn hóa, phong tục tập quán... với nét đặc tr- ng riêng có sức hấp dẫn mạnh mẽ không chỉ với con người Việt Nam mà còn với người nước ngoài.

Hải Phòng có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn khá phong phú đa dạng và có nhiều nét đặc sắc riêng. Đây là điều kiện thuận lợi để thành phố và các công ty lữ hành tiến hành khai thác, phục vụ vào hoạt động phát triển du lịch nhân văn của thành phố. Sự phát triển du lịch nhân văn không chỉ không chỉ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của du lịch nói chung, mà còn gìn giữ, bảo tồn đ- ợc các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp. Thông qua việc phát triển du lịch nhân văn sẽ giới thiệu cho khách du lịch thấy đ- ợc nét văn hoá đặc sắc của Hải Phòng với những di tích lịch sử văn hoá mang đậm phong cách nghệ thuật Việt Nam hay những lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc của vùng Duyên hải phía Bắc, các công trình kiến trúc có sự hoà hợp giữa kiến trúc ph- ơng Đông và ph- ơng Tây....

Du lịch nhân văn ngày nay càng có vai trò quan trọng và trở thành yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững của du lịch. Việc khai thác tài nguyên du lịch nhân văn thực sự trở thành sản phẩm du lịch mang sắc thái riêng của Hải Phòng thì cần có các biện pháp hợp lý trong việc khai thác, bảo tồn, quy hoạch đầu t- ...qua đó thu hút khách du lịch đến tham quan thành phố nhiều hơn, góp phần đ- a du lịch Hải Phòng phát triển trở thành một trung tâm du lịch lớn nh- Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình cơ sở văn hoá Việt Nam- GS Trần Ngọc Thêm.

2. Giáo trình Quy hoạch du lịch- TS Bùi Thị Hải Yến.

3. Sách Du lịchVăn hoá Hải Phòng- Trần Ph- ơng.

4. Sách Việt Nam đất n- ớc con ng- ời (Tổng cục Du lịch xuất bản 1989).

5. Website du lịch của Hải Phòng, http://www.dulichhaiphong.gov.vn.

6. Sách non n- ớc Việt Nam năm 2009.

7. Luật du lịch năm 2006.

8. Tạp chí VHNT số 312, tháng 6-2010.

9. Giáo trình Nhập môn khoa học du lịch.

10. Tuyến điểm du lịch- TS Bùi Thị Hải Yến.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN 1
LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI 2
CHƯƠNG 1: VAI TRÒ CỦA TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH. 5
1.1. Du lịch và tài nguyên du lịch. 5
1.1.1. Du lịch. 5
1.1.2. Tài nguyên du lịch. 6
1.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên. 6
1.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn. 9
1.2. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn đối với việc phát triển du lịch. 16
1.2.1. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội. 16
1.2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn đối với việc phát triển du lịch tại Hải Phòng. 18
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TẠI HẢI PHÒNG. 20
2.1. Khát quát chung về Hải Phòng. 20
2.1.1. Điều kiện tự nhiên. 22
2.1.2. Điều kiện kinh tế -xã hội. 25
2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng. 26
2.2.1. Tài nguyên văn hoá vật thể. 27
2.2.1.1. Khái quát tài nguyên văn hoá vật thể tại Hải Phòng. 27
2.2.1.2. Một số di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu tại Hải Phòng. 27
2.2.2. Tài nguyên văn hoá phi vật thể. 32
2.2.2.1. Các lễ hội. 32
2.2.2.2. Các loại hình nghệ thuật truyền thống. 35
2.2.3. Tài nguyên du lịch nhân văn khác. 36
2.3. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng phục vụ cho việc phát triển du lịch. 39

2.3.1. Tình hình khách du lịch đến Hải Phòng. 39
2.3.2. Các ch- ơng trình du lịch tiêu biểu của Hải Phòng và thực trạng khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng. 42
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM KHAI THÁC HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN TẠI HẢI PHÒNG 51
3.1. Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian tới. 51
3.2. Một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn tại Hải Phòng. 55
3.2.1. Đầu tư, tôn tạo, bảo tồn các tài nguyên du lịch nhân văn vốn có của Hải Phòng. 55
3.2.2. Nâng cao hiệu quả quản lý, nhà nước trong hoạt động du lịch và hợp tác liên kết phát triển du lịch. 56
3.2.3. Nâng cao nhận thức của các cấp, ngành về vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng đối với việc phát triển du lịch. 57
3.2.4. Khuyến khích, ưu tiên doanh nghiệp lữ hành, khai thác triệt để, bền vững tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng đối với việc phát triển du lịch. 58
3.2.5. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực du lịch. 58
3.2.6. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền ,quảng bá và xúc tiến du lịch. 60
3.2.7. Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch. .. 61
3.3. Một số kiến nghị. 62
3.3.1. Đối với bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch và các bộ ngành trung ương. 62
3.3.2. Đối với thành phố Hải Phòng. 63
3.3.2. Đối với các ban ngành địa phương. 64
KẾT LUẬN 65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 66